

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP  
KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ, TỈNH HÀ NAM**

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ**  
(Ký tên, đóng dấu)



**KỶ CHỨC  
PHÓ CHỦ TỊCH  
TRỊNH MINH ĐỨC**

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TN&MT HÀ NAM**  
(Ký tên, đóng dấu)



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Phạm Văn Sinh*

# MỤC LỤC

1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....	5
2. MỤC ĐÍCH LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....	6
3. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ THỰC HIỆN LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....	6
4. CÁC BƯỚC TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....	7
<b>I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ, BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT CỦA THÀNH PHỐ .....</b>	<b>8</b>
1. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG. ....	8
1.1. Vị trí địa lý .....	8
1.2. Địa hình, địa mạo .....	9
1.3. Khí hậu .....	9
1.4. Thủy văn .....	10
1.5. Các nguồn tài nguyên.....	10
1.5.1. Tài nguyên đất .....	10
1.5.2. Tài nguyên nước.....	11
1.5.3. Tài nguyên khoáng sản .....	12
1.5.4. Tài nguyên nhân văn .....	12
1.6. Thực trạng môi trường.....	14
2. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT.....	15
2.1. Dân số, lao động và việc làm.....	15
2.2. Tình hình phát triển kinh tế .....	15
2.3. Thực trạng phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng .....	21
2.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường.....	28
2.4.1. Những mặt mạnh và lợi thế .....	28
<b>2.4.2. Những khó khăn, hạn chế .....</b>	<b>29</b>
3. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ BỔ SUNG CÁC NGUỒN LỰC CỦA THÀNH PHỐ VÀ TÍNH TÁC ĐỘNG TRỰC TIẾP ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT.....	31
<b>II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 .....</b>	<b>31</b>
1. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 .....	31
2. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA THÀNH PHỐ .....	33
2.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp .....	33
2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất .....	34
2.2. Kết quả thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án .....	38
2.3. Kết quả thực hiện các công trình, dự án. ....	42
3.1. Những thành tựu .....	68
3.2. Những tồn tại.....	69
<b>III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>70</b>
1. CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT.....	70
1.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính .....	70
1.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.....	70
2. TỔNG HỢP VÀ CÂN ĐỐI CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT .....	72
2.1. Đất nông nghiệp.....	72
<b>2.2. Đất phi nông nghiệp .....</b>	<b>74</b>
2.3. Đất chưa sử dụng.....	81
3. DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG.....	81
4. DIỆN TÍCH ĐẤT CẦN THU HỒI.....	82
5. DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT CẦN CHUYỂN MỤC ĐÍCH.....	82
6. DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM KẾ HOẠCH .....	83
7. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU, CHI LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT ĐAI TRONG NĂM KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....	84
7.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai .....	84
7.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai .....	84

7.3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai .....	84
8. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT .....	86
8.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu .....	86
8.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	86
8.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất .....	87
<b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>	<b>89</b>
<b>I. KẾT LUẬN .....</b>	<b>89</b>
<b>II. KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>89</b>

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

### **1. Sự cần thiết phải lập kế hoạch sử dụng đất**

Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam chương III điều 54 đã xác định “đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”.

Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của các cấp tạo ra những điều kiện cần thiết phục vụ quản lý nhà nước về đất đai. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong 18 nội dung quản lý nhà nước về đất đai đã được quy định trong Luật Đất đai năm 2024 (Điều 20). Điều 13 của Luật Đất đai năm 2024 quy định “Quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu về đất đai”. Nghị định 102/2024/NĐ-CP nêu về nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp, các ngành trong công tác xây dựng, xét duyệt quy hoạch sử dụng đất đai.

Việc lập kế hoạch sử dụng đất đai có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm định hướng cho các cấp, các ngành lập kế hoạch sử dụng đất chi tiết; là cơ sở pháp lý cho công tác quản lý Nhà nước về đất đai, làm căn cứ cho việc giao đất, cho thuê đất... và đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng. Đồng thời việc lập kế hoạch sử dụng đất là một biện pháp hữu hiệu của Nhà nước nhằm sử dụng đất hợp lý, hiệu quả, từng bước ngăn chặn huỷ hoại đất, hạn chế lãng phí đất đai, phá vỡ cân bằng môi trường sinh thái.

Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng đất trên cơ sở đặc tính nguồn tài nguyên đất, mục tiêu dài hạn phát triển kinh tế - xã hội và các điều kiện cụ thể của Thành phố. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhằm đạt được các mục đích và ý nghĩa sau:

- Đề xuất việc khoanh định, phân bổ đất đai phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của Thành phố.

- Cung cấp tầm nhìn tổng quan, tạo sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành trung ương và các ban ngành, đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn huyện trong quá trình quản lý, điều hành, phù hợp với kế hoạch đề ra hàng năm.

- Cung cấp những thông tin về hiện trạng, tiềm năng và định hướng sử dụng đất hàng năm cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, nhằm tạo điều kiện ban đầu trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư.

- Kết quả nhiệm vụ nhằm đóng góp những căn cứ quan trọng vào việc hình

thành các chương trình phát triển và hệ thống các dự án đầu tư trọng điểm, xác định mục tiêu, yêu cầu cho một kế hoạch ngắn hạn đảm bảo cho mục đích lâu dài.

Thực hiện văn bản số 2097/STN&MT-QH ngày 09/8/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện. Do yêu cầu cấp thiết của công tác này, Chủ đầu tư - Ủy ban nhân dân Thành phố Phủ Lý tổ chức triển khai thực hiện Dự án: “**Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý**” theo quy định.

## **2. Mục đích lập kế hoạch sử dụng đất**

- Giúp tổ chức tốt việc sử dụng đất đai được hợp lý, hiệu quả, đảm bảo đủ quỹ đất cho các lĩnh vực phát triển kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh một cách bền vững trên địa bàn Thành phố.

- Tạo lập cơ sở phục vụ công tác quản lý đất đai trên địa bàn Thành phố và làm căn cứ để thực hiện công tác giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn.

- Làm căn cứ cho việc lập kế hoạch sử dụng đất của các ngành trên địa bàn Thành phố.

- Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội và các quy hoạch chuyên ngành của Thành phố, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh, các quy hoạch chuyên ngành... của tỉnh Hà Nam và khu vực.

- Giúp huy động và sử dụng tốt hơn nguồn vốn từ quỹ đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố.

## **3. Các căn cứ pháp lý thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất**

1. Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
2. Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

3. Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025, thành phố Phủ Lý; Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/03/2024 về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022; Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời

kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

4. Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

5. Nghị quyết số 1288/QN-BTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Hà Nam giai đoạn 2023-2025;

6. Các Quyết định của UBND tỉnh: Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 28/06/2024 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất (*điều chỉnh kế hoạch năm 2024*) thành phố Phủ Lý; Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Phủ Lý đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

7. Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về danh mục các dự án cần thu hồi đất, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

8. Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2025 (*Trình kỳ họp thường lệ cuối năm 2024 HĐND thành phố khóa XIX*);

9. Số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 của thành phố Phủ Lý;

10. Thống kê đất đai năm 2023 của thành phố Phủ Lý, chỉnh lý bổ sung các công trình dự án thực hiện năm 2024;

11. Các tài liệu, số liệu, bản đồ có liên quan đến đất đai;

12. Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2025 các ngành của Thành phố;

13. Kế hoạch sử dụng đất các năm 2020, 2021, 2022, 2023, 2024 của Thành phố.

#### **4. Các bước tổ chức thực hiện**

Việc tổ chức thực hiện lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của Thành phố Phủ Lý theo đúng quy trình lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định, bao gồm:

Bước 1: Điều tra, thu thập thông tin, tài liệu và khảo sát thực địa.

Bước 2: Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

Bước 3: Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện.

## **5. Các sản phẩm của dự án.**

Hồ sơ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Phủ Lý gồm:

- Báo cáo thuyết minh tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2025, (kèm theo các bảng biểu và phụ lục);
- Bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Phủ Lý;
- Các loại bản đồ chuyên đề;
- Bản vẽ vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025;
- Đĩa CD lưu trữ các dữ liệu.

## **I. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ, BỔ SUNG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ NGUỒN LỰC TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT CỦA THÀNH PHỐ**

### **1. Phân tích, đánh giá bổ sung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường.**

#### **1.1. Vị trí địa lý**

Thành phố Phủ Lý là trung tâm kinh tế, chính trị và văn hóa xã hội của tỉnh Hà Nam. Phủ Lý nằm trên quốc lộ 1A có tuyến đường sắt Bắc Nam đi qua, là nơi gặp gỡ của 3 con sông: Sông Đáy, Sông Châu Giang và Sông Nhuệ rất thuận lợi về giao thông đường thủy, đường bộ. Địa giới hành chính của thành phố tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp thị xã Duy Tiên
- Phía Nam giáp huyện Thanh Liêm
- Phía Đông giáp huyện Bình Lục
- Phía Tây giáp huyện Kim Bảng.

Diện tích tự nhiên của thành phố là 8.763,86 ha. Năm 2025, thành phố có 14 đơn vị hành chính với 10 phường và 4 xã. Dân số toàn thành phố tính đến hết năm 2024 khoảng 172.270 người, mật độ dân số khoảng 1.965 người/km<sup>2</sup>.

Thành phố Phủ Lý là đô thị nằm ở cửa ngõ phía Nam của thủ đô Hà Nội, có hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy thuận lợi; cơ sở hạ tầng được đầu tư nâng cấp, mở rộng. Đây là điều kiện hết sức thuận lợi cho thành phố phát triển về kinh tế, văn hóa, xã hội....

## **1.2. Địa hình, địa mạo**

Khu vực dọc theo Quốc lộ 1A do được tôn nền trong quá trình xây dựng có cao độ lớn nhất, trung bình từ 3,0 - 5,0 m so với mực nước biển.

Khu vực ven sông Đáy, sông Nhuệ, sông Châu Giang có cao độ trung bình 2,5 - 3 m so với mực nước biển.

Khu vực ruộng canh tác thường có cao độ từ 1,5 ÷ 3 m và có xu hướng cao dần về phía Tây giáp với khu vực Bút Sơn.

Khu vực có địa hình thấp nhất gồm hệ thống các đầm hồ trũng ở phía Bắc thành phố với cao độ 1,5m và thường xuyên bị ngập nước.

## **1.3. Khí hậu**

Theo số liệu thống kê của trạm khí tượng. Thành phố Phủ Lý mang đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều. Khí hậu cả năm khá ẩm, mùa đông chịu ảnh hưởng của những đợt gió mùa Đông Bắc. Khí hậu được chia thành hai mùa rõ rệt: mùa nóng đồng thời là mùa mưa, mùa lạnh cũng là mùa khô.

Mùa Đông bắt đầu từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau, hướng gió chủ yếu là Đông Bắc, thời tiết lạnh và khô, tháng 1 là tháng lạnh nhất có nhiệt độ trung bình là 16<sup>0</sup>C. Lượng mưa tháng 1 cũng thấp nhất khoảng 18 mm. Số mùa nắng trong các tháng mùa khô có xu hướng giảm. Đồng thời đới gió mùa Đông Bắc của dải hội tụ nhiệt đới và xoáy nhiệt đới thường gây ra áp thấp nhiệt đới.

Mùa nóng, ẩm thường có mưa nhiều, lượng mưa trung bình hàng năm từ 1300-1800 mm. Mùa mưa bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 10 hàng năm, hướng gió chủ yếu là đông nam mang theo hơi nước mát, nhưng cũng có khi là giông bão với sức gió có thể đạt 128 -144 km/h. Lượng mưa được tập trung từ tháng 6 đến tháng 9. Hàng năm thường có bão làm ảnh hưởng đến khí hậu, thời tiết trong khu vực. Bão đến thường kèm theo mưa lớn gây úng lụt cho các khu vực thấp trũng.

Nhiệt độ bình quân hàng năm 23,5<sup>0</sup>C, tổng nhiệt lượng cả năm khoảng 8.000 - 8.500<sup>0</sup>C.

Lượng mưa trung bình hàng năm là 1.600-1.700mm, chủ yếu tập trung vào các tháng 6,7,8 và 9.

Độ ẩm không khí trung bình hàng năm là 82%, độ ẩm cao nhất là 92% và độ ẩm thấp nhất là 60%.



Số giờ nắng trung bình hàng năm là 1.741 giờ, thuộc mức tương đối cao, có điều kiện thích hợp để canh tác nhiều vụ trong năm.

Thành phố Phủ Lý chịu ảnh hưởng của 2 loại gió rõ rệt, gió đông bắc xuất hiện vào mùa đông và gió đông nam xuất hiện vào mùa hè. Ngoài ra, vào các tháng chuyển tiếp giữa 2 mùa thỉnh thoảng xuất hiện gió tây nam và đông nam.

Tác động của biến đổi khí hậu đã xuất hiện ngày càng nhiều hơn trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, với vị trí và khí hậu vùng Đồng bằng sông Hồng, nên ngoài lợi thế đối với sản xuất (đặc biệt là sản xuất nông nghiệp) và đời sống, Thành Phố còn có lợi thế từ việc ít chịu tác động trực tiếp của biến đổi khí hậu. Đó là lợi thế lớn trong sử dụng đất và phát triển kinh tế.

#### **1.4. Thủy văn**

Thành phố Phủ Lý có hệ thống sông ngòi dày đặc với diện tích lưu vực khoảng 392,09 ha, chiếm 4,47% tổng diện tích tự nhiên, trong đó có 3 con sông lớn:

- Sông Đáy chạy qua địa phận thành phố dài 7,8 km, tuy nguồn nước kém dồi dào hơn và ít phù sa nhưng cũng là nguồn nước quan trọng cả về cấp thoát nước và lấn giao thông đường thủy của thành phố. Dòng chảy của sông Đáy chịu ảnh hưởng rõ rệt của chế độ mưa. Lượng nước từ tháng 6 đến tháng 10 chiếm khoảng 80% lượng nước cả năm, riêng tháng 9 chiếm khoảng 20%.

- Sông Nhuệ là sông đào nối sông Hồng tại Thụy Phương với sông Đáy tại Phủ Lý, chạy qua địa phận thành phố dài khoảng 3 km. Mùa mưa nước sông Đáy lên cao ảnh hưởng đến lũ sông Nhuệ. Hiện nay nước sông Nhuệ bị ô nhiễm nặng nề, đã ảnh hưởng đến công tác tưới tiêu cho cây trồng và gây ô nhiễm nguồn nước sông Đáy và sông Châu Giang.

- Sông Châu Giang Giang nối sông Hồng tại Yên Lệnh với sông Đáy tại Phủ Lý, chạy qua địa phận thành phố dài khoảng 4 km, bề rộng trung bình 30m, bề rộng lớn nhất 40 m, sâu trung bình  $\approx$  2m.

Đây là mạng lưới sông quan trọng cung cấp nguồn nước và tiêu nước phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của người dân trong thành phố.

#### **1.5. Các nguồn tài nguyên**

##### **1.5.1. Tài nguyên đất**

Đất đai của thành phố Phủ Lý được hình thành do phù sa cổ của hệ thống sông Hồng bồi đắp và đất hình thành tại chỗ. Tổng diện tích đất đai của Phủ Lý là 8.763,86 ha. Theo nghiên cứu của Viện thổ nhưỡng nông hóa Việt Nam, diện tích

dùng để điều tra thổ nhưỡng là 1871,51 ha cho kết quả như sau:

- Đất phù sa glây, chua, cơ giới nhẹ, nghèo bazơ (flg). Diện tích 289,73 ha chiếm 15,48% diện tích điều tra, phần diện tích này phân bố tập trung ở xã Lam Hạ một số ít ở Thanh Châu và Liêm Chính, đất tốt thích hợp cho việc trồng màu và cây công nghiệp ngắn ngày. Các công thức trồng trọt phải chọn cây trồng có thời gian sinh trưởng ngắn và tránh giai đoạn ngập lũ từ tháng 7 đến tháng 9.

- Đất phù sa chua, cơ giới nhẹ, glây sâu (fld.arg1). Diện tích 192,70 ha chiếm 10,32% diện tích điều tra, bản chất là phù sa của hệ thống sông Hồng, phân bố tập trung ở xã Liêm Chung...nơi địa hình cao do trồng trồng lúa nên đã suất hiện glây. Thành phần chủ yếu là thịt nhẹ, hàm lượng các chất hữu cơ cao, loại đất này thích hợp cho trồng lúa, lúa màu.

- Đất phù sa chua, cơ giới trung bình, glây sâu, đọng nước (fld.sl). Diện tích 442,84 ha chiếm 23,66 % diện tích điều tra, phân bố tập trung ở các xã Châu Sơn và phường Lê Hồng Phong. Loại đất này có thành phần cơ giới là từ thịt trung bình đến thịt nặng, địa hình thấp, thích hợp cho trồng lúa và cây hoa màu.

- Đất phù sa chua nghèo bazơ (fld.vt). Diện tích 389,35 ha chiếm 20,80% diện tích điều tra, phân bố chủ yếu ở các xã Châu Sơn, Liêm Chung, Thanh Châu, Liêm Chính... Thành phần cơ giới biến đổi từ thịt trung bình đến thịt nặng, địa hình thấp, nồng độ pH 4,5 - 5, hàm lượng mùn, lân dễ tiêu khá. Loại đất này phù hợp cho trồng lúa 2 vụ.

- Đất phù sa, ít chua, cơ giới trung bình, điển hình (fle.ar). Diện tích 53,83 ha chiếm 2,87% diện tích điều tra, phân bố chủ yếu ở xã Châu Sơn. Thành phần cơ giới chủ yếu là thịt nhẹ, địa hình thấp, hàm lượng mùn, lân dễ tiêu khá. Loại đất này thích hợp cho trồng lúa, lúa màu.

- Đất phù sa, ít chua, cơ giới trung bình (fle.sl). Diện tích 415,53 ha chiếm 22,20% diện tích điều tra, phân bố chủ yếu ở xã Phù Vân, Lam Hạ. Thành phần cơ giới chủ yếu là thịt trung bình, địa hình thấp, hàm lượng mùn, lân dễ tiêu khá. Loại đất này thích hợp cho trồng 2 vụ lúa.

- Đất cát điển hình, chua, glây sâu (arh). Diện tích 87,53 ha chiếm 4,67% diện tích điều tra, phân bố tập trung ở xã Liêm Chính, Liêm Chung và một phần nhỏ ở xã Thanh Châu.

#### 1.5.2. Tài nguyên nước

Nhìn chung nguồn nước của Phủ Lý với địa thế nằm ở ngã ba sông Đáy, sông Nhuệ và sông Châu Giang, đồng thời có nhiều ao hồ nên thành phố Phủ Lý có nguồn nước mặt tương đối dồi dào.

**\* Nguồn nước mặt**

Nguồn nước sông Đáy có lưu lượng trung bình trên 400 m<sup>3</sup>/s (cao nhất là 798 m<sup>3</sup>/s và thấp nhất là 2,6 m<sup>3</sup>/s ) với chất lượng nước khá tốt. Đây là điều kiện khá thuận lợi không chỉ cho sản xuất nông nghiệp mà còn cho phát triển công nghiệp, dịch vụ và sinh hoạt. Tuy nhiên, do Phủ Lý nằm ở vùng hạ lưu nên việc khai thác sử dụng nguồn nước mặt cũng có những hạn chế nhất định. Do đó không chế được lượng nước chảy qua nên về mùa mưa thường gây ngập lụt và chịu ảnh hưởng bởi sự điều tiết phân lũ sông Đáy của Trung ương, ngược lại về mùa khô, mực nước sông thấp nên việc khai thác sử dụng gặp nhiều khó khăn.

Về tài nguyên nước ngầm ở thành phố Phủ Lý phụ thuộc vào mực nước các sông và thay đổi theo mùa. Hiện nay nước ngầm trên địa bàn thành phố đang bị nhiễm Asen nặng. Số liệu phân tích mẫu nước ngầm tại Phủ Lý cho thấy 20% mẫu nước có hàm lượng Asen vượt quá tiêu chuẩn cho phép (tiêu chuẩn QCVN 08:2008/BTNMT) từ 1,2 – 10 lần.

**1.5.3. Tài nguyên khoáng sản**

Tài nguyên khoáng sản của thành phố Phủ Lý rất hạn chế, chỉ có một số mỏ đá xây dựng ở Châu Sơn với trữ lượng nhỏ. Hiện tại có 2 công ty khai thác đá làm vật liệu xây dựng và đá vôi tại Núi Bù - Châu Sơn.

Nhưng với vị trí nằm liền kề khu vực có nguồn vật liệu xây dựng lớn như đá vôi, xi măng Bút Sơn (Kim Bảng), Kiện Khê, Thanh Tân (Thanh Liêm); đá xây dựng Kiện Khê (Thanh Liêm); đất sét để sản xuất xi măng và đất sét để sản xuất gạch ngói Khả Phong, Ba Sao (Kim Bảng) và các nguồn vật liệu xây dựng khác... nên Phủ Lý có nhiều cơ hội sử dụng nguyên liệu về vật liệu xây dựng này để phát triển đa dạng các ngành nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp ở địa phương.

**1.5.4. Tài nguyên nhân văn**

- Chùa Bàu: Chùa Bàu tên chữ là Thiên Bảo Tự, tọa lạc tại đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Là nơi địa linh danh thắng, chốn linh thiêng lâu đời của vùng đất rộng lớn.

+ Với diện tích gần 5.000 m<sup>2</sup>. Với khung cảnh thiên nhiên hài hoà trước mặt chùa là một hồ nước sâu và rộng, hồ thông với sông Đáy tạo nên mỹ quan đẹp và tô điểm thêm sự tĩnh lặng cho chùa. Theo thuyết âm dương ngũ hành: Trước một ngôi chùa thường phải có một hồ nước vì theo truyền thuyết chùa thì tượng trưng cho dương, hồ tượng trưng cho âm, dương và âm tạo nên thế cân bằng hài hoà trong trời đất và theo thuyết phong thủy thì chùa chiền là nơi tôn nghiêm, thành

kính. Hồ nước trước chùa như muốn nhắc nhở con người ta đến nơi này cần phải rửa sạch tay chân cho hết bụi trần để thành tâm vào bái lễ. Như vậy nét văn hoá tâm linh nơi đây không khác xa so với những ngôi chùa khác.

+ Điểm mới ở đây là ngôi chùa này mới được trùng tu và tôn tạo lại trên diện tích gần 5.000 m<sup>2</sup> của chùa Bầu cũ với thời gian xây dựng trong vòng 3 năm, với lối kiến trúc cổ truyền của dân tộc với kiến trúc mới của thời đại và cũng là sự kết hợp giữa đạo pháp dân tộc và thời đại. Theo tài liệu cũ, chùa Bầu đã có trên 1.000 năm tuổi nằm trong quần thể làng Bầu, vực Bầu và chợ Bầu ngày nay. Đây là nơi sinh hoạt văn hoá tâm linh của nhiều thế hệ, của phật tử xã Châu Cầu (xưa) và thành phố Phủ Lý – Hà Nam (ngày nay). Với lối kiến trúc cổ truyền của dân tộc với kiến trúc mới của thời đại, chùa Bầu vẫn lưu giữ nhiều hiện vật quý giá từ triều Vĩnh Thịnh năm thứ 6 (1663) với 28 đạo sắc phong về Đức Pháp Vân Phật và đạo sắc phong cuối cùng vào năm thứ 9 vua Khải Định, là nơi lưu giữ một quả chuông với kích thước 0,95 m, đường kính 0,57 m được đúc vào mùa xuân năm thứ 3 Hoàng triều Minh Mệnh (1822) và một tấm bia đá xanh cao 1,25 m và rộng 0,8 m.

+ Cùng với các nhà thờ, chùa chiền trên địa bàn thành phố, chùa Bầu là một ngôi chùa có rất nhiều nét kiến trúc cũng như trang trí nội thất mang phong cách truyền thống và hiện đại. Điều đó càng chứng tỏ rằng, mặc dù các hạng mục kiến trúc ở Hà Nam không có khác biệt lớn về phong cách so với kiến trúc cùng loại ở các vùng dân cư khác, nhưng vẫn có thể nhận ra những nét rất riêng của chùa Bầu ở các công trình kiến trúc này.

+ Trước hết, các kiến trúc này đều chiếm lĩnh những khoảng không gian rộng rãi, cảnh quan khoáng đãng và tọa lạc gần công viên Nguyễn Khuyến, chứ không chen chúc nhau trong những khoảng không gian chật hẹp ở các vùng đô thị, và luôn tạo cảm giác thanh tịnh và yên tĩnh nơi thành phố ồn ào.

- Nhà hát Chèo Hà Nam:

+ Nhà hát Chèo Hà Nam là đơn vị hoạt động nghệ thuật chèo của tỉnh Hà Nam. Nhà hát Chèo Hà Nam đóng tại đường Lý Thái Tổ, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý được thành lập trên cơ sở nâng cấp Đoàn nghệ thuật chèo Hà Nam. Đây là một nhà hát Chèo của chiếng Chèo xứ Sơn Nam.

+ Vùng đất Hà Nam nằm cách trung tâm Hà Nội hơn 50 km, là cửa ngõ phía Nam của Thủ đô, phía Đông giáp Hưng Yên và Thái Bình, phía Nam giáp Nam Định và Ninh Bình, phía Tây giáp Hòa Bình. Hà Nam theo cách nói của cố giáo sư Trần Quốc Vượng là một địa phương nằm trong vùng “tứ giác nước” đồng

bằng châu thổ sông Hồng - một trong những cái nôi lớn nhất của nghệ thuật chèo Việt Nam.

+ Hà Nam là tỉnh tiên phong trong việc lập hồ sơ đệ trình UNESCO công nhận nghệ thuật hát Chèo là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Đây là chủ trương được cụ thể trong Quyết định Quy hoạch phát triển văn hoá, thể dục thể thao tỉnh Hà Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

+ Tiền thân của nhà hát Chèo Hà Nam là Đoàn chèo Hà Nam được thành lập từ 1958. Mười năm sau, 1968 được sáp nhập với Đoàn chèo Nam Định thành Đoàn chèo Nam Hà, rồi Đoàn chèo Hà Nam Ninh. Tuy nhiên, hành trình đổi mới của Đoàn chèo Hà Nam được đánh dấu bằng sự kiện tỉnh Nam Hà tách thành hai tỉnh Nam Định và Hà Nam. Ba tháng sau, tức tháng 4 năm 1997, Đoàn chèo Hà Nam có quyết định tái thành lập. Khi đó toàn đoàn chỉ có 12 người trên đủ các lĩnh vực cải lương, ca múa, kịch nói, chèo, được tập hợp và với một cơ sở vật chất quá nghèo nàn... Nòng cốt của đoàn khi mới tái lập chỉ có ba người đã từng là diễn viên chèo: Lương Duyên, Huy Toàn, Tuyết Lan. Các diễn viên khác chỉ hoặc là biết diễn kịch, hoặc là hát mới, hoặc là biết ca cải lương và chưa từng biết hát chèo, diễn chèo.

Những năm gần đây, đoàn đã có một trụ sở làm việc khá khang trang gồm 2 tầng, tầng 1 là trụ sở làm việc, tầng 2 là sàn tập của diễn viên, nhạc công đồng thời cũng là nơi biểu diễn chiếu chèo Hà Nam. Năm 2010, đội ngũ của đoàn cũng mới chỉ có 27 biên chế, 7 hợp đồng và một lớp học sinh trung cấp gồm 20 em.

## **1.6. Thực trạng môi trường**

- Thành phố Phủ Lý đang ở giai đoạn đầu đổi mới trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa; hiện tại các ngành kinh tế - xã hội chưa thực sự phát triển, một số trung tâm kinh tế - xã hội đang được hình thành và phát triển do vậy môi trường nước, không khí, đất đai có chiều hướng bị ô nhiễm.

- Nguồn nước sông Nhuệ phải hứng chịu nhiều chất thải từ các khu công nghiệp, bệnh viện và nước thải sinh hoạt chưa xử lý hoặc xử lý chưa triệt để từ Hà Nội chảy về nên thường xuyên bị ô nhiễm nghiêm trọng, có màu đen, mùi hôi và đặc biệt những đợt ô nhiễm nặng thường kéo dài.

- Mật độ ô nhiễm không khí ngày một tăng do Phủ Lý có mạng giao thông tương đối phát triển. Hầu hết các tuyến đường trọng điểm ở Phủ Lý đều bị ô nhiễm bụi nặng như khu vực đầu cầu Phủ Lý, ngã 3 Quốc lộ 1A và Quốc lộ 21A. Ngoài ra những năm gần đây việc xây dựng các cơ sở hạ tầng tại các khu công nghiệp;

nâng cấp và làm mới đường, cầu đã kéo theo lượng bụi lớn gây ô nhiễm không khí trong quá trình vận chuyển và thi công xây dựng.

- Môi trường tiếng ồn ở một số khu vực tại thành phố Phủ Lý như ở các khu công nghiệp, cụm công nghiệp cũng gây ra tiếng ồn lớn do hoạt động của các phương tiện giao thông.

- Chất thải trong sinh hoạt và chất thải trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (*cơ khí, mộc dân dụng, xay xát...*) cũng làm tăng thêm ô nhiễm môi trường. Trong sản xuất nông nghiệp, việc sử dụng các chế phẩm hóa học để trừ sâu diệt cỏ dại và phân hóa học... đã tác động đến môi trường sinh thái.

## **2. Phân tích, đánh giá bổ sung thực trạng phát triển kinh tế, xã hội liên quan đến việc sử dụng đất**

### **2.1. Dân số, lao động và việc làm**

#### *a, Dân số*

Năm 2024, dân số trung bình của Thành phố ước khoảng 172.270 người, phân theo khu vực: Dân số khu vực thành thị chiếm khoảng 60,32%, khu vực nông thôn chiếm khoảng 39,68%.

Mức giảm tỷ lệ sinh năm 2024 ước là 0,11‰.

Mật độ dân số trung bình năm 2024 ước là 1.965 người/km<sup>2</sup>.

#### *b. An sinh xã hội, giải quyết việc làm*

- Chỉ đạo thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với các đối tượng bảo trợ xã hội, người có công với cách mạng. Thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa nhân dịp Lễ, Tết, 77 năm ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7 và dịp kỷ niệm 79 năm cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 (*dịp Tết nguyên đán đã có 27.663 lượt đối tượng được nhận quà với tổng kinh phí 9.826.700.000 đồng*). Triển khai chi trả tiền trợ cấp cho các đối tượng qua tài khoản an sinh xã hội. Hoàn thành công tác thu thập, cập nhật, chỉnh sửa tổng hợp, thông tin về người lao động trên địa bàn. Triển khai kế hoạch thu nhận mẫu ADN cho thân nhân của liệt sỹ chưa xác định được danh tính trên địa bàn thành phố. Duy trì công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới.

- Quan tâm giải quyết việc làm, ổn định đời sống người lao động, tích cực thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2024 ước giảm còn 1,15%. Tổng số lao động được giải quyết việc làm mới ước đạt 6.075 người, bằng 101% kế hoạch.

### **2.2. Tình hình phát triển kinh tế**

#### *a. Nông nghiệp - nông thôn*

- Chỉ đạo hoàn thành gieo cấy lúa vụ xuân, vụ mùa, đảm bảo đúng cơ cấu,

thời vụ, trong đó diện tích lúa gieo trồng vụ Xuân đạt 2.510 ha, diện tích lúa vụ mùa đạt 2.371 ha; Diện tích cây màu vụ xuân, vụ hè thu, cây nhân dân đã trồng đảm bảo theo kế hoạch (*Diện tích cây màu vụ Xuân 419 ha đạt 121 % kế hoạch, cây màu vụ mùa đạt 351 ha đạt 130% kế hoạch, trồng cây nhân dân được 120 nghìn cây đạt 100% kế hoạch*). Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 30.540 tấn, bằng 100% kế hoạch năm. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các mô hình, chương trình, đề án trong sản xuất nông nghiệp (*Đề án “Phát triển dịch vụ mạ khay, máy cấy giai đoạn 2020-2023”*; *Mô hình sản xuất một số loại hoa chậu phục vụ nhu cầu trong dịp Tết Nguyên Đán*; *Mô hình thử nghiệm nuôi chim bồ câu sử dụng thức ăn có bổ sung thảo dược*; *Mô hình trồng thử nghiệm giống súp lơ Ngọc Bích và súp lơ San hô*; *Mô hình thử nghiệm cải tạo vườn tạp trồng một số loại dây ăn quả...*). Chỉ đạo, hướng dẫn các hợp tác xã nông nghiệp tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2024-2029.

Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm và bệnh dại trên động vật; năm 2024 tình hình chăn nuôi trên địa bàn thành phố ổn định, tổng đàn trâu bò đạt 1.625 con, bằng 101% so với kế hoạch, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 2.812 tấn, bằng 107 % kế hoạch.

Công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được duy trì; Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về đề điều trên địa bàn; chuẩn bị sẵn sàng các phương án hộ đê, chống bão, lũ, đảm bảo an toàn công trình thủy lợi trong mùa mưa, lũ năm 2024 (*Đã thành lập đoàn kiểm tra công tác chuẩn bị, đánh giá hiện trạng công trình PCTT trước mùa mưa lũ năm 2024 qua kiểm tra tại 06 phường, xã: Kim Bình, Phù Vân, Đình Xá, Tiên Hải, Lam Hạ và Quang Trung, hầu hết các đơn vị đều làm tốt công tác chuẩn bị, sẵn sàng các phương án hộ đê, chống bão, lũ... Chỉ đạo sự cố sạt trượt, sụt lún mái tuyến đê tả Đáy địa bàn xã Kim Bình; hướng dẫn thực hiện việc mở cửa khẩu tại tường kè tuyến đê bồi Lạc Tràng, phường Quang Trung; kiểm tra xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều trên sông Châu Giang, sông Nhuệ; chỉ đạo các đơn vị kiểm tra, rà soát các bến, bãi tập kết vật liệu trên bãi sông địa bàn xã Kim Bình; chỉ đạo xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi tuyến sông Bùi; chỉ đạo tăng cường kiểm tra, ngăn chặn và xử lý tình trạng xe quá tải trọng cho phép đi trên đê*), đặc biệt đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương tập trung khắc phục hậu quả cơn bão số 3 và mưa lũ sau bão (*Đã tổ chức di dời 340 hộ dân với 1.140 nhân khẩu, cùng khoảng hơn 2.000 vật dụng, tài sản của người dân; Đối với các tuyến đê, bồi bị tràn một phần, thành phố đã tổ chức chống tràn bằng hệ thống bao cát, đã đắp được khoảng 10 km đập chống tràn; chỉ đạo các địa phương khơi thông các cống, giải tỏa vật cản trên hệ thống kênh mương giúp tiêu thoát nước nhanh; khắc phục thiệt hại do lũ; tập trung thu dọn, vệ sinh môi trường và triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trong và sau mưa lũ, ngập lụt*).

- Chương trình xây dựng nông thôn mới tiếp tục được triển khai hiệu quả. Đến nay, toàn thành phố đã có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, 03 xã đạt

nông thôn mới nâng cao, trình UBND tỉnh công nhận xã Đinh Xá đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2024. Tổ chức đánh giá, phân hạng 09 sản phẩm OCOP thành phố năm 2023, đăng ký 11 ý tưởng tham gia Chương trình OCOP năm 2024, dự kiến sẽ tổ chức đánh giá, phân hạng vào cuối tháng 12/2024 (09 sản phẩm của 05 chủ thể đạt tiêu chuẩn sản phẩm OCOP hạng 3 sao thành phố Phủ Lý năm 2023; đăng ký 11 sản phẩm tham gia đánh giá phân hạng lần đầu, 03 sản phẩm đăng ký nâng hạng sao).

**b. Tài chính, Thương mại - dịch vụ**

- Triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm khai thác hiệu quả nguồn thu ngân sách. Tổng thu ngân sách năm 2024 ước đạt 7.767,8 tỷ đồng, bằng 218,5% kế hoạch tỉnh giao, 217,4% so với Nghị quyết HĐND thành phố, tăng 151% so với năm 2023 (Trong đó thu cân đối ngân sách năm 2024 ước đạt 5.589 tỷ đồng, bằng 210,9 % kế hoạch tỉnh giao, 209,5% so với Nghị quyết HĐND thành phố, tăng 217% so với năm 2023; thu từ tiền sử dụng đất ước đạt 4.803 tỷ đồng, bằng 218,3% kế hoạch tỉnh giao, 218% so với Nghị quyết HĐND thành phố, tăng 378,7% so với năm 2023);...

- Tổng chi ngân sách năm 2024 ước đạt 2.758 tỷ đồng, đạt 136,5% kế hoạch tỉnh giao, 135,8% so với Nghị quyết HĐND thành phố. Đảm bảo các khoản chi theo dự toán đầu năm, đặc biệt ưu tiên nguồn chi lương và các chế độ chính sách.

- Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn thành phố năm 2024 tiếp tục tăng trưởng so với cùng kỳ; thị trường hàng hóa phong phú, các loại hình thương mại đa dạng, linh hoạt đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân (Hiện nay, trung tâm thương mại Vincom, chuỗi cửa hàng tiện ích Vinmart+, siêu thị Go Hà Nam, chuỗi nhà hàng ẩm thực bờ Tây sông Đáy,... đang hoạt động hiệu quả; hệ thống chợ được cải tạo nâng cấp, các cửa hàng bán lẻ ngày càng phát triển, hàng hóa đa dạng phục vụ nhân dân). Tập trung đơn đốc hoàn thiện thủ tục, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ năm 2024 ước đạt 26.879 tỷ đồng, tăng 26% so với năm 2023, các nhóm ngành đều tăng so với cùng kỳ năm trước như: ngành thương nghiệp tăng 27,8%, ngành khách sạn, nhà hàng tăng 18%, ngành du lịch, lữ hành tăng 24%... Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất, kinh doanh vi phạm trên địa bàn.

- Rà soát, nắm bắt tình hình hoạt động của các doanh nghiệp; trên địa bàn thành phố hiện có 2.544 doanh nghiệp, trong đó 2.061 doanh nghiệp đang hoạt động, 401 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động và ngừng kinh doanh (tăng 52 doanh nghiệp so với năm 2023); 82 doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh. Trong năm 2024



có 260 doanh nghiệp đăng ký mới (*giảm 9 doanh nghiệp so với năm 2023*), 102 doanh nghiệp khôi phục sau khi ngừng và tạm ngừng kinh doanh (*tăng 16 doanh nghiệp so với năm 2023*).

**c. Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp**

- Giá trị ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng khá so với cùng kỳ; khai thác hiệu quả các cụm công nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn. Giá trị sản xuất công nghiệp (*theo giá cố định năm 2010*) ước đạt 40.850 tỷ đồng, tăng 14,4% so với năm trước (*trong đó công nghiệp khai thác ước đạt 892 tỷ đồng, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước; công nghiệp chế biến ước đạt 39.796 tỷ đồng, tăng 14,8% so với cùng kỳ năm trước; công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước ước đạt 162 tỷ đồng, tăng 10,5% so với cùng kỳ năm trước*).

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về vệ sinh môi trường, trật tự xây dựng, phòng cháy chữa cháy... tại các doanh nghiệp, tổ chức trong 03 cụm công nghiệp. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn đồng thời tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện các biện pháp sử dụng điện tiết kiệm, hiệu quả đặc biệt trong mùa khô, nóng.

**d. Quy hoạch, quản lý đô thị - Đầu tư xây dựng**

- Trình thẩm định, phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Phủ Lý đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai lập các đồ án quy hoạch phân khu 1/2000 và quy hoạch chi tiết 1/500 các đề án về phát triển đô thị đáp ứng nhu cầu và từng bước hoàn thiện các tiêu chí của đô thị loại I. Phê duyệt 15 nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 các khu nhà ở, khu tái định cư, các dự án trên địa bàn thành phố.

Công tác chỉnh trang đô thị được quan tâm và triển khai thực hiện hiệu quả, gắn liền với công tác đảm bảo an ninh, trật tự đô thị và bảo vệ môi trường, phù hợp với Quy hoạch. Hoàn thành phê duyệt Chương trình phát triển đô thị thành phố Phủ Lý đến năm 2030. Triển khai kế hoạch đánh số, gắn biển số nhà, biển tên đường, phố, ngõ, ngách trên địa bàn năm 2024. Kiểm tra trật tự xây dựng đô thị đối với 451 trường hợp, phát hiện 71 trường hợp vi phạm (*trong đó 27 trường hợp xây dựng không giấy phép, 23 trường hợp xây dựng sai giấy phép, 21 trường hợp vi phạm lĩnh vực đất đai, công tác khác*).

- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn ước đạt 20.901 tỷ đồng, bằng 103% kế hoạch; tăng 11,6% so với năm 2023. Năm 2024, đã trình chấp thuận chủ trương

đầu tư 12 dự án đô thị, nhà ở, trong đó 04 dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư (*dự án: Đầu tư xây dựng Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở tại phường Lương Khánh Thiện, thành phố Phủ Lý (PL-ĐT21.23) và dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở tại xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý (PL-ĐT19.23); Đầu tư xây dựng Khu đô thị Đông Phú Thứ; Đầu tư xây dựng Khu đô thị Tiên Hải*)). Chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh công tác quyết toán các dự án hoàn thành đảm bảo theo đúng quy định hiện hành. Đến nay đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành đưa vào sử dụng 152 công trình; 28 phương án GPMB và 01 phương án di chuyển đường điện với giá trị quyết toán đề nghị phê duyệt 1.490 tỷ đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 1.488 tỷ đồng.

Chỉ đạo tăng cường đấu thầu rộng rãi công khai theo quy định của Luật đấu thầu, đẩy mạnh công tác kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với tất cả các khâu trong quy trình đầu tư, đấu thầu nhất là các dự án đầu tư công. Năm 2024 trên địa bàn thành phố tổng số gói thầu thực hiện đấu thầu là 175 gói, tổng giá trị các gói thầu là 1.419 tỷ đồng, giá trị trúng thầu là 1.411 tỷ đồng, đã tiết kiệm 8,234 tỷ đồng cho NSNN (tương đương 0,58%).

#### ***e. Tài nguyên môi trường, Giải phóng mặt bằng***

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp, tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, môi trường. Hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất (*điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2024*) thành phố Phủ Lý. Rà soát, đăng ký điều chỉnh, bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng dưới 10ha đất trồng lúa trình HĐND tỉnh tại các Kỳ họp năm 2024. Rà soát, đăng ký danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn thành phố, trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thường lệ cuối năm 2024, đồng thời lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025. Hoàn thiện việc kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khu dân cư tại các xã Đinh Xá và Trịnh Xá. Rà soát việc đo đạc, chỉnh lý lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai và xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu trên địa bàn thành phố (*có 19/21 xã, phường đã đo đạc bản đồ địa chính dạng số theo quy định*). Phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trên địa bàn thành phố năm 2024. Ban hành 08 Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể để thực hiện công tác bồi thường GPMB và đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất tái định cư trên địa bàn. Tổ chức kiểm tra quản lý sử dụng đất đai trên địa bàn thành phố, đã tiến hành kiểm

tra, phát hiện và ban hành 04 quyết định xử phạt với số tiền là: 194,9 triệu đồng. Thẩm định 600 hồ sơ cấp GCNQSD đất cho các hộ gia đình cá nhân (*Cấp mới: 275 hồ sơ; đính chính: 325 hồ sơ*). Giao đất thực địa cho 281 hộ gia đình, cá nhân (*Tái định cư: 41 hộ, Đấu giá: 240 hộ*).

Thực hiện thẩm định 07 bộ thủ tục cấp phép môi trường đối với các dự án trên địa bàn. Ban hành Kế hoạch phân loại rác thải tại nguồn trên địa bàn thành phố. Kiểm tra, phát hiện, ban hành quyết định xử phạt vi phạm về môi trường đối với 06 cơ sở sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố với tổng số tiền 355 triệu đồng (*Công ty TNHH sản xuất và thương mại Vinh Hoa; Công ty CP Vina SPC – Kim Bình; Công ty TNHH công nghệ Hoa Vĩ; Công ty TNHH phát triển kinh tế Việt Pháp; Công ty TNHH may Kim Bình; Công ty TNHH Đông Việt Hải*).

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, di chuyển mồ mã thuộc phạm vi một số dự án trọng điểm trên địa bàn thành phố, trong đó tập trung vào các dự án khu đô thị, khu nhà ở, khu Trung tâm thương mại dịch vụ, dự án giao thông kết nối (*Khu đô thị thời đại, đổi mới và sáng tạo; Nút giao Phú Thứ và tuyến đường kết nối xã Tiên Hiệp; Xây dựng nền đường và hệ thống thoát nước khu vực đoạn tuyến từ đường Lê Duẩn đến Quốc lộ 1A địa bàn phường Thanh Châu; Mở rộng nghĩa trang nhân dân phía Đông thôn Trúc Sơn xã Tiên Tân, Đầu tư xây dựng khu TĐC phục vụ GPMB trên địa bàn phường Lam Hạ; Khu đô thị sinh thái Bắc Châu Giang; Khu đô thị Đại học Nam Cao; Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ song hành đường vành đai 5 - vùng thủ đô Hà Nội (giai đoạn 1); Đầu tư xây dựng tuyến đường 68m địa bàn xã Liêm Chung kết nối với huyện Thanh Liêm (đoạn từ nút giao đường 68m theo quy hoạch vượt đường Đình Tiên Hoàng và đường sắt Bắc - Nam đến hết địa phận thành phố Phủ Lý);...*). Hiện nay, thành phố đang tổ chức thực hiện 120 dự án GPMB (*trong đó có 33 dự án giao mới*) đảm bảo đúng trình tự, cơ chế chính sách theo quy định, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án. Năm 2024, đã phê duyệt 41 phương án bồi thường, hỗ trợ với tổng giá trị 233,1 tỷ đồng; thực hiện chi trả 353,3 tỷ đồng cho 2.386 hộ thuộc 35 dự án; hoàn thành và cơ bản hoàn thành bàn giao mặt bằng đúng tiến độ 08 dự án với tổng diện tích khoảng 170 ha (*Đầu tư xây dựng nút giao Phú Thứ và tuyến đường kết nối tại xã Tiên Hiệp; Đầu tư xây dựng nền đường và hệ thống thoát nước khu vực đoạn tuyến đường từ đường Lê Duẩn đến QL1A; Khu TĐC phục vụ GPMB công trình cầu vượt đường sắt Bắc - Nam; Đầu tư xây dựng khu đô thị thời đại và đổi mới sáng tạo (PL-ĐT 12.22) - phạm vi đất nông nghiệp; Đầu tư xây dựng HTKT Khu*

tái định cư phục vụ GPMB dự án ĐTXD đường Lê Công Thanh (giai đoạn 3) địa bàn xã Tiên Tân, Khu đấu giá QSDĐ địa bàn xã Liêm Tiết - phạm vi đất nông nghiệp; Khu đấu giá VT 3, VT 5 xã Trịnh Xá; Khu tái định cư phục vụ GPMB Dự án đầu tư xây dựng Nhà lưu niệm đồng chí Lương Khánh Thiện và GPMB giai đoạn 2 thuộc Khu đền thờ các anh hùng liệt sỹ và di tích lịch sử văn hóa tỉnh Hà Nam (vị trí 2); Dự án cải tạo, chỉnh trang đường Lý Thái Tổ). Tuyên truyền, vận động 45 hộ đã ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất thuộc phạm vi GPMB của 04 dự án chấp hành nhận tiền, không phải thực hiện cưỡng chế (Đầu tư xây dựng tuyến đường 27m phía Bắc khu HC.11: 01 hộ; Xây dựng nền đường và hệ thống thoát nước khu vực đoạn tuyến từ đường Lê Duẩn đến Quốc lộ 1A: 02 hộ; Khu đô thị thời đại và đổi mới sáng tạo: 40 hộ (xã Tiên Hiệp 36 hộ, phường Quang Trung: 04); khu đô thị mới River Silk City địa bàn xã Liêm Tuyên: 02 hộ). Tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với 41 hộ không chấp hành quyết định thu hồi đất thuộc phạm vi GPMB 02 dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Tổ chức bóc thăm 47 lô tái định cư với diện tích 4,152,2 m<sup>2</sup> cho các hộ có đất ở bị thu hồi để thực hiện các dự án GPMB trên địa bàn thành phố đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của nhân dân.

- Rà soát, đề xuất các vị trí đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2024 (8 vị trí với 961 lô, tổng diện tích 91.971,3m<sup>2</sup>). Tổ chức đấu giá thành công 215 lô đất với diện tích 20.152,6m<sup>2</sup>, tổng số tiền trúng đấu giá 359,83 tỷ đồng (Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Liêm Chung: 22 lô với số tiền 38,33 tỷ đồng, Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Lê Hồng Phong: 193 lô với số tiền 321,50 tỷ đồng), số tiền đã thu được là: 237,52 tỷ đồng. Ban hành Quyết định huỷ kết quả trúng đấu giá đối với 51 lô đất tại Khu đấu giá xã Liêm Chung và Khu đấu giá xã Trịnh Xá. Hoàn thiện thủ tục để tổ chức đấu giá lại 50 lô đất tại Khu đấu giá xã Trịnh Xá.

## **2.3. Thực trạng phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng**

### **a. Giao thông**

Thành phố Phủ Lý hội tụ cả 3 loại hình giao thông đó là giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy, phân bố khá hợp lý nên đã tạo được mạng lưới giao thông tương đối đồng bộ.

- Quốc lộ 1A: Tuyến đường này đã được nâng cấp mở rộng là đường đô thị 4 làn xe, nền đường rộng 20 m, mặt đường rộng 19,5 m. Đây là tuyến đường đối ngoại quan trọng nhất của thành phố, tạo điều kiện cho việc giao lưu trao đổi hàng

hóa và phát triển kinh tế xã hội của thành phố.

- Quốc lộ 21A: Đây là tuyến giao thông huyết mạch của thành phố nối liền các xã ở vùng hữu sông Đáy và tỉnh Hòa Bình. Được chia thành 2 đoạn:

+ Đoạn từ Đồng Sơn (Huyện Kim Bảng) - Thành phố Phủ Lý: dài 10,5 km, đã nâng cấp thành đường đô thị cấp II với 4 làn xe, bề rộng mặt 15,0÷21,0 m, bề rộng nền 27,0 - 40,0 m.

+ Đoạn từ cầu Phủ Lý - cầu Độ Xá (Thành phố Phủ Lý): dài 4,6 km, đường cấp VI, mặt trải đá nhựa rộng 3,5 m, nền đường rộng 6,5 m.

- Quốc lộ 21B: kết nối với trung tâm thành phố Nam Định có chiều dài 3,2 km với 6 làn xe bề rộng nền 60,0 – 70,0 m, nằm trên địa bàn các xã Liêm Tuyền, Đinh Xá, Liêm Tiết.

- Hệ thống đường tỉnh trên thành phố gồm:

+ Đường tỉnh ĐT 491: Toàn tuyến mới được nâng cấp cải tạo, mặt đường được bê tông nhựa, chất lượng tốt, bề rộng mặt đường 8,0 m, nền đường rộng 9,0 m.

+ Đường tỉnh ĐT 494: Đoạn đường này đang được thi công theo tiêu chuẩn đường đô thị cấp II, bề rộng mặt đường 15,0 m, bề rộng nền đường 27,0 m. Đây là tuyến đường có vai trò quan trọng trong việc phát triển không gian thành phố.

+ Đường tỉnh ĐT 494B: Toàn tuyến có mặt đường bê tông xi măng rộng 8,0 m, nền đường rộng 9,0 m. Cùng với tuyến đường ĐT 494 tuyến ĐT 494B tạo thành vành đai phía Tây thành phố Phủ Lý, kết nối khu vực phía Tây với tuyến Quốc lộ 21 và Quốc lộ 1A.

- Trên địa bàn thành phố có bến xe trung tâm tỉnh đang hoạt động với diện tích là 15.437 m<sup>2</sup>, lưu lượng giao thông 165 xe/ngày. Hệ thống bến xe đã đảm bảo yêu cầu vận tải và việc kết nối giữa các huyện với trung tâm tỉnh và các tỉnh lân cận.

- Đường sắt Bắc - Nam chạy qua địa bàn thành phố thuộc tuyến đường sắt Thống Nhất với lý trình Km54+954, khổ đường 1.000 mm.

Ngoài ra, thành phố còn có 177,5 km đường giao thông xã, phường. Trong đó, đường liên xã dài 35,5 km đã được rải nhựa và bê tông hóa; đường thôn xóm, tổ dân phố dài 103,5 km; đường nội đồng dài 38 km, rộng từ 1- 2 m, trong đó có 25 km được rải đá, còn lại là đường đất.

Bên cạnh hệ thống giao thông đường bộ, các hoạt động về giao thông đường thủy trên sông Đáy và sông Nhuệ, sông Châu Giang và 2 tuyến đường sắt chạy qua đã tham gia tích cực vào quá trình vận chuyển và lưu thông hàng hóa trong và ngoài vùng.

### ***b. Thủy lợi***

Hệ thống thủy lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp khá hoàn chỉnh. Tổng diện tích đất thủy lợi của thành phố có 287,43 ha. Các công trình kè, cống, đê hàng năm được tu bổ nâng cấp đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ. Công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi ngày càng có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu tưới tiêu chủ động cho toàn bộ diện tích canh tác.

Trên địa bàn thành phố có 3 con sông lớn chảy qua (sông Đáy, sông Nhuệ và sông Châu Giang). Đây là 3 con sông có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của thành phố. Trong mấy năm gần đây do điều kiện khí hậu thời tiết diễn biến thất thường đã ảnh hưởng đến mực nước của các con sông này. Về mùa khô mực nước cả hai triều sông đều xuống thấp. Ngược lại về mùa mưa, mực nước cả 2 triều sông đều dâng cao, có năm vượt mức báo động 3 (mùa lũ năm 1994) đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất nói chung và sản xuất nông nghiệp nói riêng. Đặc biệt là vùng hữu sông Đáy và vùng phân lũ của thành phố khi có lũ xảy ra.

**\* Hệ thống đê điều được chia thành 2 nhóm chính là đê Trung ương và đê địa phương.**

Các tuyến đê Trung ương bao gồm:

- Tuyến đê tả sông Đáy thuộc địa phận thành phố Phủ Lý có chiều dài là 7.750m.

+ Đoạn từ K107 + 793 đến K109 + 715 (từ cống Ba Đa đến cống Phủ Lý) đoạn này kết hợp với quốc lộ 1A có cao trình mặt đê +5,80m.

+ Đoạn từ K109 + 715 từ cống Phủ Lý đến cầu Hồng Phú, đoạn này là tường kè bê tông cốt thép có cao trình tường kè là +6,50m.

+ Đoạn từ K111 + 059 đến K111+ 997, đoạn này là tường kè xây bằng đá từ những năm 1975 hiện nay đã xuống cấp cần được tu sửa lại. Cao trình đỉnh tường kè là +6,30m.

+ Đoạn từ K111 + 997 đến K113 +675, đoạn này được xây tường chống tràn có cao trình đỉnh là +6,00m.

Các tuyến đê địa phương bao gồm:

- Tổng chiều dài đê Bồi và đê sông con là 32,43km.

+ Đê Bồi Phù Vân có chiều dài 7,9km, bề rộng mặt 3 - 4 m, cao trình mặt đê 4,2- 5,5m.

+ Tuyến đê Bồi Châu Sơn có chiều dài L= 5,5km, cao trình mặt đê +4,5m, mặt đê rộng b=1,5m, mái 1 - 1,5m.

+ Đê 21B có chiều dài L=1,7km, tuyến đê này chắn nước từ trên núi đổ xuống có bề mặt rộng b=2m, cao trình mặt đê +5m, hệ số mái 1,5m.

+ Đê 21A có chiều dài 3km.

+ Bồi Lạc Tràng có chiều dài  $L = 2,220\text{m}$ , đoạn này là tường kè bê tông cốt thép có cao trình tường kè là  $+6,50\text{m}$ .

+ Đê bắc Châu Giang có chiều dài  $L = 800\text{m}$  mới được nâng cấp cao trình mặt đê  $+6\text{m}$ , rộng  $5\text{m}$ .

+ Tuyến đê Phú Đông có chiều dài  $L = 840\text{m}$ , đoạn này là tường kè bê tông cốt thép có cao trình tường kè là  $+6,50\text{m}$

+ Đê bồi Độ Xá có chiều dài  $L = 340\text{m}$ , cao trình mặt đê  $+5\text{m}$ .

Ngoài hệ thống đê kè trên, thành phố còn có 20 cửa và 32 cống. Trong đó, tuyến đê sông Đáy có 19 cửa, 7 cống, tuyến sông Con và đê Bồi có 25 cống, tuyến đê Mễ có 1 cửa. Một số cống xây dựng qua nhiều năm sử dụng đã xuống cấp cần được tu sửa. Đặc biệt là cống Phú Lý lớn bị hư hỏng nặng, do vậy phải có sự đề phòng khi có lũ cao.

#### **\* Hệ thống cấp thoát nước**

- Hệ thống thoát nước mưa trên địa bàn thành phố theo chế độ tiêu thủy lợi nhờ hệ thống sông chính và kênh mương thủy lợi với mật độ cao trong khu vực. Hệ thống thoát nước mưa của thành phố thuộc lưu vực tả Đáy Nam Châu Giang, trục tiêu chính là sông Đáy, chế độ thoát nước tự chảy, chủng loại cống tròn, hộp, mương xây có nắp đan. Tổng chiều dài cống chính  $L = 64,5\text{ km}$ . Khả năng tiêu thoát nước khá nhưng vẫn bị ngập úng khi mưa lớn kéo dài.

- Hệ thống cấp nước: hiện tại thành phố có 4 nhà máy cấp nước, chất lượng nước sau xử lý đảm bảo tiêu chuẩn cấp nước cho đô thị.

+ Nhà máy nước số 1: Vị trí ở phía sau UBND tỉnh, công suất  $10.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ , khai thác nước sông Đáy.

+ Nhà máy nước số 2: Vị trí cạnh quốc lộ 21 thuộc thôn Thanh Nộn, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng khai thác nước sông Đáy, công suất  $15.000\text{m}^3/\text{ngđ}$ .

+ Nhà máy nước thôn Tái I xã Đình Xá: Với diện tích  $1,9\text{ ha}$ , cung cấp nước sạch cho 2 xã Đình Xá, Trịnh Xá.

+ Trạm cấp nước sạch thôn Ngái Trì xã Liêm Tuyền: Với diện tích  $1,34\text{ ha}$  cung cấp nước sạch cho xã Liêm Tuyền và phường Liêm Chính.

Hiện nay 80% dân số nội thị được cấp nước sạch, chủ yếu là khu bờ Đông sông Đáy. Lượng nước rò rỉ, thất thoát là 42%. Toàn thành phố có  $21.870\text{m}$  đường ống.

#### **c. Giáo dục**

- Hoàn thành nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 và triển khai các nhiệm vụ của năm học 2024 - 2025. Tập trung xây dựng không gian trường lớp an toàn, sáng

tạo, hiệu quả, quan tâm chỉ đạo xây dựng trường chuẩn quốc gia, đến nay thành phố có 45 trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II (*trong năm 2024, thành phố có thêm 6 trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ II*). Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ một số dự án trường học trên địa bàn. Triển khai Kế hoạch đảm bảo an toàn các kỳ thi năm 2024.

Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng thành phố lần thứ X; tham gia thi đấu tại Hội khỏe Phù Đổng tỉnh và các kỳ thi học sinh giỏi văn hóa lớp 9, thi khoa học kỹ thuật, thi giáo viên dạy giỏi đạt thành tích cao. Rà soát, tổng hợp số liệu phục vụ xây dựng thành phố Phủ Lý tham gia Mạng lưới thành phố học tập toàn cầu của UNESCO. Các trung tâm học tập cộng đồng các phường, xã hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

#### ***d. Y tế***

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh ban đầu cho Nhân dân và công tác phòng, chống dịch bệnh đặc biệt là các dịch bệnh truyền nhiễm... Nâng cao chất lượng hoạt động của các xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã. Tăng cường quản lý nhà nước đối với hành nghề y, dược, mỹ phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm; triển khai “*Tháng hành động vì an toàn thực phẩm*” năm 2024. Tổ chức kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm và kiểm tra liên ngành hoạt động của các cơ sở hành nghề Y, Dược tư nhân, các cơ sở dịch vụ, cơ sở kinh doanh mỹ phẩm, trang thiết bị y tế trên địa bàn (*Kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân năm 2024 được 24 cơ sở trong đó xử phạt vi phạm hành chính 02 cơ sở với tổng số tiền 8.000.000đ. Kiểm tra liên ngành công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2024 được 18 cơ sở, xử phạt vi phạm hành chính 02 cơ sở với tổng số tiền 10.000.000đ. Kiểm tra liên ngành công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trong dịp Tết Trung thu trên địa bàn thành phố năm 2024 được 12 cơ sở, xử phạt 01 cơ sở với tổng số tiền 2.000.000đ*). Đến nay, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể cân nặng giảm còn 6,9%.

Tổ chức các đợt hiến máu tình nguyện, kết quả thu được 1.121/800 đơn vị máu bằng 140% kế hoạch tình giao năm 2024. Công tác cứu trợ xã hội được quan tâm chỉ đạo thực hiện, tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động “*Mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo*”.

#### ***e. Văn hoá, thể dục thể thao***

- Triển khai tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao mừng



Đảng, mừng xuân Giáp Thìn, các ngày lễ, ngày kỷ niệm lớn. Công tác thông tin tuyên truyền, cổ động trực quan có nhiều đổi mới, sáng tạo theo hướng hiện đại qua hệ thống bảng led điện tử, truyền thanh thông minh. Tiếp tục duy trì, đổi mới, phát triển các hoạt động tại không gian đi bộ và các Câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ tại các thôn, tổ dân phố nhằm nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân (*Đã tổ chức thành công 29 buổi tại Không gian đi bộ, tổ chức nhiều hoạt động thuyết minh tại các điểm du lịch trên địa bàn, thu hút gần 200.000 lượt khách*). Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” tiếp tục được triển khai đạt được nhiều kết quả, tỷ lệ gia đình văn hoá đạt 95,7%. Tiếp tục đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án “*Hỗ trợ xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa thôn, tổ dân phố giai đoạn 2021-2025*” (*Đến nay đã xây dựng mới 7/42 nhà văn hoá, cải tạo, sửa chữa 34/61 nhà văn hoá, Tiến độ thực hiện đề án còn chậm so với kế hoạch do một số đơn vị thực hiện đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 – 2025*).

Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường thực hiện các biện pháp quản lý đối với hoạt động lễ hội năm 2024. Công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa được đẩy mạnh gắn với phát triển du lịch, một số điểm di tích thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài tỉnh đến thăm quan (*Khu đền thờ các Anh hùng liệt sỹ tỉnh Hà Nam và Đền thờ 10 nữ Liệt sỹ dân quân Lam Hạ; Nhà lưu niệm đồng chí Lương Khánh Thiện; khu di tích Chùa Bầu, Bia đá chùa Giàu xã Đình Xá. Toàn thành phố có 9 di tích được xếp hạng cấp Quốc gia, 20 di tích được xếp hạng cấp Tỉnh*). Tiếp tục đẩy mạnh phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao quần chúng ở cơ sở, giữ vững và phát triển các môn thể thao có thành tích cao. Tổ chức hội thi cộng tác viên gia đình cấp thành phố năm 2024 và tham gia hội thi cấp tỉnh đạt giải nhất toàn đoàn.

- Triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác chuyển đổi số. Tổ chức tốt các hoạt động hưởng ứng ngày hội chuyển đổi số Quốc gia năm 2024. Tập trung đôn đốc các đơn vị, địa phương đăng ký và sử dụng hiệu quả hệ thống Phản ánh hiện trường PhuLy-S và chữ ký số công dân trên địa bàn (*Đến ngày 26/11/2024 đã có 33.578 tài khoản Phu ly-s được đăng ký, cài đặt thành công 27.442 chữ ký số cá nhân*). Nâng cao chất lượng các tin, bài phát thanh tuyên truyền trên đài phát thanh, đa dạng hóa thông tin tuyên truyền (*Năm 2024 đã sản xuất hơn 1 nghìn chương trình phát thanh, cộng tác hơn 700 tin, bài với Đài phát thanh truyền hình tỉnh, báo Hà Nam; cập nhật hơn 1200 tin, bài và khoảng 6 nghìn ảnh trên cổng thông tin điện tử của thành phố*). Hệ thống đài truyền thanh cơ sở được củng cố, hoạt động hiệu

qua.

***g. Quốc phòng, an ninh***

- Công tác quân sự, quốc phòng địa phương được triển khai tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ đề ra. Xây dựng và ban hành các Chỉ thị, kế hoạch về công tác quân sự, Quốc phòng địa phương năm 2024. Tổ chức ra quân huấn luyện đầu năm; duy trì thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Tổ chức “*ngày hội tòng quân*” và lễ giao, nhận quân năm 2024 đảm bảo an toàn, hoàn thành chỉ tiêu giao quân (*Trong đó số chỉ tiêu tham gia nghĩa vụ quân sự là 189 công dân; công dân tham gia nghĩa vụ công an nhân dân là 41 công dân*). Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu cho nam công dân sinh năm 2007. Tổ chức đại Hội thi đua quyết thắng lực lượng vũ trang thành phố giai đoạn 2019 - 2024 và tham gia các Hội thi, Hội thao đạt kết quả cao. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và 35 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân. Tổ chức huấn luyện cho lực lượng thường trực; chỉ đạo, theo dõi các phường, xã huấn luyện dân quân cơ động đảm bảo đúng quy định. Thực hiện tốt các chính sách hậu phương quân đội.

- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội đảm bảo ổn định, không để xảy ra vụ việc phức tạp. Chỉ đạo quyết liệt đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm. Năm 2024, trên địa bàn thành phố xảy ra 81 vụ phạm tội về trật tự xã hội (***giảm 8 vụ so với năm trước***), làm 01 người chết, 7 người bị thương thiệt hại khoảng 2,58 tỷ đồng; xảy ra 05 vụ cháy và 14 vụ tai nạn khác (*05 vụ cháy thiệt hại tài sản khoảng 1,38 tỷ đồng, 14 vụ tai nạn khác gồm 11 vụ chết chưa rõ nguyên nhân, 2 vụ tai nạn lao động, 1 vụ chết đuối*); triệt phá 04 đường dây và 04 chuyên án mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy, 6 chuyên án đấu tranh với các loại tội phạm khác. Triển khai đồng bộ các kế hoạch, phương án đảm bảo trật tự an toàn giao thông, nhất là vi phạm nồng độ cồn, số ca tai nạn và va chạm giao thông cơ bản được kiểm soát và có xu hướng giảm so với năm 2023 (*xảy ra 70 vụ tai nạn giao thông làm chết 29 người, bị thương 60 người (giảm 14 vụ và 4 người chết so với cùng kỳ)*). Xử lý 3.835 trường hợp vi phạm giao thông, trật tự đô thị phạt hơn 9,3 tỷ đồng.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt các nội dung của Đề án 06. Tổ chức ra mắt và triển khai hiệu quả các hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở. Tổ chức Hội thi Hội thi nghiệp vụ chữa cháy và cứu hộ cứu nạn “*Tổ liên gia an toàn phòng cháy chữa cháy*” thành phố năm 2024 và

tham gia Hội thi cấp tỉnh đạt giải Ba toàn đoàn. Tiếp tục vận hành có hiệu quả Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố đặc biệt là phần mềm phản ánh hiện trường Phủ Lý - S.

## **2.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường**

### **2.4.1. Những mặt mạnh và lợi thế**

- Tài nguyên đất đai có nhiều nhóm, loại đất và với các tiểu vùng khí hậu đặc thù cho phép để phát triển tập đoàn sinh vật phong phú.

- Là vùng đất cách mạng với nhiều di tích lịch sử, di tích kết hợp danh lam thắng cảnh tạo lợi thế cho thành phố phát triển một số loại hình du lịch như: du lịch nghỉ dưỡng, thăm quan văn hóa - lịch sử, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái,...

- Về điều kiện tự nhiên Phủ Lý có vị thuận lợi phát triển đô thị theo hướng thương mại dịch vụ có quốc lộ 1A, tuyến đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ - Ninh Bình chạy qua với khí hậu ôn hòa và hệ thống thủy văn hợp lý với các sông chính chảy qua là sông Châu Giang, sông Đáy và sông Nhuệ. Đó là điều kiện thuận lợi để mở rộng giao thương với các tỉnh lân cận và cả nước. Trong thời gian tới cùng với việc triển khai các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng khu công nghệ cao... sẽ thúc đẩy quá trình đô thị hóa mạnh hơn nữa và sự chuyển biến mạnh mẽ về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Là trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị, quốc phòng, an ninh của Tỉnh, trong những năm qua thành phố Phủ Lý có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực (tăng tỷ trọng các ngành dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp), hệ thống cơ sở hạ tầng ngày càng được cải thiện, đời sống của nhân dân từng bước được nâng cao, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ổn định, môi trường được đảm bảo.

- Khí hậu thời tiết ôn hòa, thuận lợi, thảm thực vật phong phú, địa hình thuận lợi trong việc đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi để phát triển mạnh kinh tế nông nghiệp.

- Có truyền thống văn hóa lâu đời, có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, có cảnh quan đẹp, có nhiều sông, hồ lớn, như sông Đáy, sông Nhuệ, sông Châu Giang... là tiềm năng to lớn và quý báu để phát triển du lịch, dịch vụ.

- Có nguồn nhân lực dồi dào, với lực lượng lao động trẻ, siêng năng, ham học hỏi, thông minh, sáng tạo, gắn bó với quê hương.

- Bộ mặt đô thị từng bước được đổi mới theo hướng văn minh, hiện đại.

Nhiều khu đô thị mới được xây dựng, hạ tầng đô thị cũng được cải thiện đáng kể.

- Về môi trường nói chung khu vực thành phố Phủ Lý chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm trên diện rộng, các vấn đề ô nhiễm chỉ xuất hiện ở quy mô nhỏ, cục bộ và mức độ yếu. Các vấn đề này hoàn toàn có thể khắc phục được, nếu có các biện pháp quản lý, giáo dục cộng đồng tốt, các biện pháp xử lý kịp thời.

Năm 2024 là năm bứt phá để hoàn thành mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Bám sát sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố đã tập trung triển khai đồng bộ, toàn diện các nhiệm vụ trên tất cả các lĩnh vực và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. 14/15 chỉ tiêu hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra (*còn chỉ tiêu trường đạt chuẩn quốc gia chưa đạt so với kế hoạch*). Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội tăng trưởng cao so với năm 2023. Thu ngân sách tăng trưởng vượt bậc, chủ yếu ở những tháng cuối năm, đặc biệt là thu tiền sử dụng đất (*tăng 378% so với năm 2023*). Các nội dung thuộc đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 được tập trung triển khai thực hiện, đảm bảo theo đúng quy định. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng được triển khai quyết liệt và đạt hiệu quả rõ rệt, góp phần đẩy mạnh thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Công tác quy hoạch và công tác đầu tư xây dựng các dự án được quan tâm chỉ đạo sát sao đảm bảo đúng trình tự, đáp ứng tiến độ theo kế hoạch. Các chính sách an sinh xã hội được triển khai kịp thời, hiệu quả. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đặc biệt đã tập trung chỉ đạo khắc phục hậu quả sau bão số 3 và mưa, lũ, ngập lụt trên địa bàn thành phố.

#### **2.4.2. Những khó khăn, hạn chế**

- Hệ thống các sông, thảm thực vật suy giảm hạn chế đến khả năng điều tiết nguồn nước (đặc biệt trong mùa khô) và bảo vệ môi trường.

- Hiện nay do tốc độ đô thị hóa tăng nhanh cùng với việc phát triển các khu đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đặc biệt là hệ thống giao thông đường bộ gây ô nhiễm môi trường nước, môi trường đất và môi trường không khí.

- Chưa khai thác hết các tiềm năng, lợi thế cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh (nhất là tiềm năng về phát triển du lịch, phát triển đô thị, phát triển dịch vụ, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng...).

- Địa hình đa dạng với dạng vùn cao, vùn thấp, đồng bằng và vùng trũng, nhiều vùng đất chất lượng kém và do ảnh hưởng của địa hình nên khó khăn trong

phát triển sản xuất nông nghiệp và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng.

- Các vấn đề cấp bách về môi trường, những bức xúc nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế-xã hội, trong điều kiện kinh tế thị trường đã xuất hiện và có xu hướng gia tăng... là những hạn chế, cản trở với quá trình phát triển.

- Tình hình ô nhiễm môi trường vẫn còn nhiều vấn đề bức xúc, ý thức bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất và của người dân chưa cao... đã ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển kinh tế – xã hội, quốc phòng, an ninh trong thời gian qua.

- Thu ngân sách đạt cao, tuy nhiên một số chỉ tiêu thu liên quan đến đảm bảo nguồn thu cân đối cho ngân sách thành phố đạt tỷ lệ thấp.

- Tình trạng vi phạm trật tự đô thị, trật tự xây dựng, lấn chiếm đất đai vẫn còn diễn ra.

- Tiến độ một số chương trình, đề án còn chậm so với kế hoạch. Công tác giải phóng mặt bằng một số dự án còn chậm và kéo dài.

- Công tác giải quyết đơn thư của công dân còn tiềm ẩn một số trường hợp phức tạp, việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh chưa được giải quyết dứt điểm.

- Một số nội dung triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ chưa đáp ứng tiến độ đề ra.

Nguyên nhân những tồn tại, hạn chế:

- Nguyên nhân những tồn tại, hạn chế trên ngoài những yếu tố khách quan là do cơ chế, chính sách một số lĩnh vực vẫn còn một số bất cập; nguyên nhân chủ quan là: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền, trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền ở một số địa phương, cơ quan, đơn vị có thời điểm chưa thực sự quyết liệt, chủ động. Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có lúc, có việc còn chưa chặt chẽ, kịp thời.

- Số phương tiện tham gia giao thông trên địa bàn thành phố ngày càng gia tăng; thành phố Phủ Lý là cửa ngõ thủ đô, do đó lưu lượng các phương tiện giao thông đi qua địa bàn rất lớn; bên cạnh đó ý thức chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn giao thông của một bộ phận người dân còn chưa cao.

### **3. Phân tích, đánh giá bổ sung các nguồn lực của thành phố và tình tác động trực tiếp đến việc sử dụng đất**

UBND nhân dân tỉnh và UBND thành phố chỉ đạo ưu tiên phát triển hệ thống giao thông hạ tầng, tập trung đầu tư vào các dự án công trình giao thông trọng điểm của tỉnh, của thành phố. Nâng cao hệ thống giao thông hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các chủ đầu tư, các cơ quan, doanh nghiệp tập trung đầu tư các dự án Khu đô thị, khu nhà ở trên địa bàn thành phố (dự án Đầu tư xây dựng Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thành phố Phủ Lý với quy mô 218,38 ha; Đầu tư xây dựng khu đô thị thời đại và đổi mới sáng tạo ((PL-ĐT12.22) với quy mô 197,03 ha; Đầu tư xây dựng Khu đô thị sinh thái Bắc Châu Giang (PL-ĐT13.22) với quy mô 176,00 ha; Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị Đông Phú Thứ với quy mô 166,50 ha; Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Tiên Hải với quy mô 234,76 ha; Đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Tây Phù Vân, thành phố Phủ Lý- khu vực phía Bắc đường Nguyễn Văn Cừ (PL.ĐT04.22) với quy mô 23,38 ha; Đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Liêm Tiết tại địa bàn xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý (PL-ĐT05.21-1) với quy mô 42,30 ha;...)

Bên cạnh đó, các lĩnh vực giáo dục – đào tạo, y tế, văn hóa cũng vẫn được chú trọng nguồn vốn đầu tư. Trình độ dân trí và tỷ lệ người lao động qua đào tạo ngày càng được nâng cao, sức khỏe người lao động ngày càng được nâng cao. Nhờ vậy lực lượng lao động trong các nhà máy, các khu – cụm công nghiệp ngày càng ổn định và tăng cao, tay nghề ngày càng được củng cố giúp cho doanh nghiệp ổn định và phát triển, thu hút được nhiều chủ đầu tư đầu tư vào nhà máy trong và ngoài khu – cụm công nghiệp.

Thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh và thành phố, tăng cường bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn cho cán bộ quản lý. Được nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cán bộ quản lý xử lý các thủ tục liên quan nhanh, gọn, chính xác giúp cho quá trình thực hiện các thủ tục hành chính của nhân dân khi giao dịch với đơn vị hành chính công nhanh chóng, hiệu quả và giảm thiểu tối đa thời gian.

## **II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024**

### **1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2024**

Trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của Thành phố, hiện trạng sử dụng đất đến hết năm 2024 của Thành phố như sau:

#### **Bảng 01: Hiện trạng sử dụng đất năm 2024**

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>8.763,86</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>4.096,38</b>	<b>46,74</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.964,79	33,83
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	2.826,14	32,25
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	138,65	1,58
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	280,47	3,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	373,59	4,26
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	462,96	5,28
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	14,57	0,17
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>4.626,60</b>	<b>52,79</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	557,99	6,37
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	634,78	7,24
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	38,70	0,44
2.4	Đất quốc phòng	CQP	13,25	0,15
2.5	Đất an ninh	CAN	14,70	0,17
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	296,07	3,38
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	15,77	0,18
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	3,51	0,04
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	59,83	0,68
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	166,95	1,91
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	47,14	0,54
2.6.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	2,86	0,03
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	783,34	8,94
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	531,02	6,06
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	80,48	0,92
2.7.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	44,70	0,51
2.7.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	127,14	1,45
2.7.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	1.633,49	18,64
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.267,53	14,46
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	280,21	3,20
2.8.3	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	4,19	0,05
2.8.4	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	7,64	0,09
2.8.5	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	3,12	0,04
2.8.6	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,22	0,03
2.8.7	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	5,76	0,07
2.8.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	62,82	0,72
2.9	Đất tôn giáo	TON	14,85	0,17
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	13,45	0,15
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	125,72	1,43
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	464,50	5,30

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu %
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	72,41	0,83
2.12.2	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	392,09	4,47
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	35,76	0,41
<b>3</b>	<b>Nhóm đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>40,88</b>	<b>0,47</b>
	<i>Trong đó:</i>			
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	40,88	0,47

Năm 2024 tổng diện tích tự nhiên của thành phố là 8763,86 ha. Cơ cấu sử dụng các loại đất như sau:

- Đất nông nghiệp: 4.096,38 ha, chiếm 46,74% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất phi nông nghiệp: 4.626,60 ha, chiếm 52,79% tổng diện tích tự nhiên;
- Đất chưa sử dụng: 40,88 ha, chiếm 0,47% tổng diện tích tự nhiên.

## **2. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố**

### **2.1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp**

Về mặt quản lý và chuyên môn, trách nhiệm của các ban ngành, UBND thành phố ưu tiên hàng đầu cho các công trình, dự án hạ tầng đầu mối và các dự án Khu đô thị lớn. Tập trung cao độ cho các công trình, dự án lớn đạt tiến độ nhanh nhất theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Triển khai đồng bộ các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024, kết quả đạt được khá khả quan, thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn vào thị trường đất đai trên địa bàn thành phố. Thành phố đang triển khai các Khu đô thị với quy mô lớn, tốc độ tiến hành dự án tương đối nhanh so với các năm trước. Tuy kết quả giao đất cho nhà đầu tư thực hiện dự án chưa được cao, nguyên nhân do các dự án lớn, quá trình tiến hành thống kê thu hồi mất nhiều thời gian dẫn đến kết quả của việc thực hiện giao đất chưa cao. Mặc dù vậy, trong năm qua thành phố Phủ Lý cũng là một địa bàn thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn so với các huyện khác trong tỉnh.

UBND thành phố cũng tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện sử dụng đất đai trên địa bàn thành phố. Xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm khi quản lý sử dụng đất. Cập nhật và tuyên truyền những thông tin mới về đất đai. Công tác thu chi tài chính về đất đai cũng đc kiểm soát nghiêm ngặt, đảm bảo đúng quy định và công khai, minh bạch.



2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất

**Bảng 02: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024**

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)-(4)	(7) = (5)/(4)*100%
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>3.240,53</b>	<b>4.096,38</b>	<b>855,85</b>	<b>126,41</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.206,35	2.964,79	758,44	134,38
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	2.079,69	2.826,14	746,45	135,89
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	126,66	138,65	11,99	109,47
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	258,03	280,47	22,44	108,70
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	357,37	373,59	16,22	104,54
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	404,92	462,96	58,04	114,33
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	13,87	14,57	0,70	105,05
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>5.485,21</b>	<b>4.626,60</b>	<b>-858,62</b>	<b>84,35</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	758,12	557,99	-200,13	73,60
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	683,03	634,78	-48,24	92,94
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	48,22	38,70	-9,52	80,25
2.4	Đất quốc phòng	CQP	15,84	13,25	-2,59	83,68
2.5	Đất an ninh	CAN	14,68	14,70	0,02	100,14
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN				
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	20,00	15,77	-4,23	78,85
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	3,51	3,51		100,00
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	71,44	59,83	-11,61	83,75
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	299,90	166,95	-132,95	55,67
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	53,00	47,14	-5,86	88,94
2.6.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	2,86	2,86		100,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK		783,34	783,34	
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	531,02	531,02		100,00
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	80,48	80,48		100,00
2.7.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	93,31	44,70	-48,61	47,90
2.7.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	125,63	127,14	1,51	101,20
2.7.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sử dụng vào mục	CCC		1.633,49	1.633,49	

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
	đích công cộng					
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	1.563,29	1.267,53	-295,77	81,08
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	225,63	280,21	54,58	124,19
2.8.3	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	4,19	4,19		100,00
2.8.4	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	7,87	7,64	-0,23	97,08
2.8.5	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	4,64	3,12	-1,52	67,32
2.8.6	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	2,21	2,22	0,01	100,45
2.8.7	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	5,70	5,76	0,06	101,05
2.8.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	172,68	62,82	-109,85	36,38
2.9	Đất tôn giáo	TON	15,26	14,85	-0,41	97,31
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	14,00	13,45	-0,55	96,07
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	136,73	125,72	-11,01	91,95
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC		464,50	464,50	
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	109,38	72,41	-36,97	66,20
2.12.2	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	389,20	392,09	2,89	100,74
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	33,41	35,76	2,35	107,03
<b>3</b>	<b>Nhóm đất chưa sử dụng</b>	<b>CSD</b>	<b>38,11</b>	<b>40,88</b>	<b>2,77</b>	<b>107,27</b>
	Trong đó:					
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	38,11	40,88	2,77	107,27

**a. Nhóm đất nông nghiệp**

- Đất trồng lúa thực hiện được 2.964,79 ha/ 2.206,35 ha, thực hiện ít hơn 758,44 ha so với kế hoạch chuyển mục đích đất lúa được duyệt. Nguyên nhân do một số dự án, công trình cần thu hồi, chuyển mục đích đất lúa nhưng chưa triển khai thực hiện;

- Đất trồng cây hàng năm khác thực hiện được 280,47 ha/ 258,03 ha, thực hiện ít hơn 22,44 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do một số dự án, công trình cần thu hồi đất trồng cây hàng năm khác chưa thực hiện xong;

- Đất trồng cây lâu năm thực hiện được 373,59 ha/ 357,37 ha, thực hiện ít hơn 16,22 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do một số dự án, công trình cần thu hồi đất trồng cây lâu năm khác chưa thực hiện xong;

- Đất nuôi trồng thủy sản thực hiện được 462,96 ha/ 404,92 ha, thực hiện ít hơn 58,04 ha so với kế hoạch được duyệt;

- Đất nông nghiệp khác thực hiện được 14,57 ha/ 13,87 ha, thực hiện ít hơn 0,70 ha so với kế hoạch được duyệt.

***b. Nhóm đất phi nông nghiệp***

- Đất ở tại nông thôn thực hiện được 557,99 ha/ 758,12 ha, thực hiện được ít hơn 200,13 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các dự án đất ở nông thôn có trong danh mục Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện xong;

- Đất ở tại đô thị thực hiện được 634,78 ha/ 683,03 ha, thực hiện được ít hơn 48,24 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các dự án đất ở tại đô thị có trong danh mục Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện xong;

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan thực hiện được 38,70 ha/ 48,22 ha, thực hiện được ít hơn 9,52 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do một số dự án xây dựng trụ sở cơ quan chưa thực hiện, một số dự án đang thực hiện chưa giao đất xong;

- Đất quốc phòng thực hiện được 13,25 ha/ 15,84 ha, thực hiện được ít hơn 2,59 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các dự án đất quốc phòng chưa thực hiện xong;

- Đất an ninh thực hiện được 14,70 ha/ 14,68 ha, thực hiện được nhiều hơn 0,02 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do công trình lấy vào đất an ninh chưa thực hiện xong;

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp:

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa thực hiện được 15,77 ha/ 20,00 ha, thực hiện được ít hơn 4,23 ha so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất xây dựng cơ sở y tế thực hiện được 59,83 ha/ 71,44 ha, thực hiện được ít hơn 11,61 ha so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo thực hiện được 166,95 ha/ 299,90 ha, thực hiện được ít hơn 132,95 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các công trình đất giáo dục chưa thực hiện xong như các công trình đất giáo dục trong khu đô thị đại học Nam Cao, các dự án xã hội hóa trong các khu đô thị, khu nhà

ở...;

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao thực hiện được 47,14 ha/ 53,00 ha, thực hiện được ít hơn 5,86 ha so với kế hoạch được duyệt;

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp:

+ Đất khu công nghiệp thực hiện được 531,02 ha/ 531,02 ha, đạt 100,00% so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất cụm công nghiệp thực hiện được 80,48 ha/ 80,48 ha, đạt 100% so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất thương mại, dịch vụ thực hiện được 44,70 ha/ 93,31 ha, thực hiện được ít hơn 48,61 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do một số công trình, dự án đất thương mại, dịch vụ đã và đang thực hiện thu hồi đất, chưa hoàn thành việc giao đất dự án;

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thực hiện được 127,14 ha/ 125,63 ha, thực hiện được nhiều hơn 1,51 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do một số công trình, dự án lấy vào đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp chưa thực hiện xong;

+ Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: thành phố không có loại đất sử dụng vào mục đích này;

- Đất sử dụng vào mục đích công cộng:

+ Đất giao thông thực hiện được 1.267,53 ha/ 1.563,29 ha, thực hiện được ít hơn 295,77 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các công trình giao thông chưa thực hiện xong;

+ Đất thủy lợi thực hiện được 280,21 ha/ 255,63 ha, thực hiện được nhiều hơn 54,58 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các dự án lấy vào đất thủy lợi vẫn chưa hoàn thành;

+ Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên giữ nguyên so với năm trước;

+ Đất công trình xử lý chất thải thực hiện được 7,64 ha/ 7,87 ha, thực hiện được ít hơn 0,23 ha so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng thực hiện được 3,12 ha/ 4,64 ha, thực hiện được ít hơn 1,52 ha so với kế hoạch được duyệt;

+ Đất công trình hạ tầng bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin thực hiện được 2,22 ha/ 2,21 ha, thực hiện được nhiều hơn 0,01 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do dự án lấy vào đất công nghệ bưu chính viễn thông chưa thực hiện xong;

+ Đất chợ thực hiện được 5,76 ha/ 5,70 ha, thực hiện được nhiều hơn 0,06 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do dự án lấy vào đất chợ chưa thực hiện xong;

+ Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng thực hiện được 62,82 ha/ 172,68 ha, thực hiện đc ít hơn 109,85 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các dự án đất khu vui chơi, giải trí công cộng đang thực hiện chưa giao đất và một số dự án lớn chưa thực hiện (đất khu vui chơi, giải trí chủ yếu nằm trong 3 dự án đô thị mới còn đang trong giai đoạn lập kế hoạch thu hồi đất);

- Đất tôn giáo thực hiện được 14,85 ha/ 15,26 ha, thực hiện đc ít hơn 0,41 ha so với kế hoạch được duyệt;

- Đất tín ngưỡng thực hiện được 13,45 ha/14,00 ha, thực hiện đc ít hơn 0,55 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các dự án đất cơ sở tín ngưỡng có trong danh mục Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 chưa thực hiện xong;

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt thực hiện được 125,72 ha/ 136,73 ha, thực hiện đc ít hơn 11,01 ha so với kế hoạch được duyệt;

- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm thực hiện được 72,41 ha/ 109,38 ha, thực hiện đc ít hơn 36,97 ha so với kế hoạch được duyệt;

- Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối thực hiện được 392,09 ha/ 389,20 ha, thực hiện đc nhiều hơn 2,89 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do các công trình, dự án lấy vào loại đất này chưa thực hiện xong;

- Đất phi nông nghiệp khác thực hiện được 35,76 ha/ 33,41 ha, thực hiện đc nhiều hơn 2,35 ha so với kế hoạch được duyệt do các dự án lấy vào đất phi nông nghiệp khác chưa thực hiện xong.

### ***c. Đất chưa sử dụng***

Đất chưa sử dụng đến năm 2024 thực hiện được 40,88 ha/ 38,11 ha, thực hiện ít hơn 2,77 ha so với kế hoạch được duyệt. Nguyên nhân do dự án lấy vào đất chưa sử dụng chưa thực hiện xong.

### ***2.3. Kết quả thu hồi, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án.***

Tổng số công trình, dự án thu hồi, chuyển mục đích, giao đất, cho thuê đất được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 220 công trình, dự án tại Quyết định số 874/QĐ-UBND ngày 28/06/2024. Trong đó có:

- 174 công trình, dự án thu hồi, chuyển mục đích, giao đất, cho thuê đất. Cụ thể:  
+ Số công trình, dự án đã giao đất, đấu giá xong là: 7/174 công trình, dự án (đạt 4,02%);

+ Số công trình, dự án đã hoàn thành việc thu hồi là: 80/174 công trình, dự án (chiếm 45,98%);

- + Số công trình, dự án đang thực hiện là: 87/174 công trình, dự án (chiếm 50,00%);
  - + Số công trình, dự án không đề nghị chuyển tiếp sang năm kế hoạch 2025 là 54/174 công trình, dự án (chiếm 31,03%);
  - + Số công trình, dự án đề nghị chuyển tiếp sang năm kế hoạch 2025 là: 113/174 công trình, dự án (chiếm 64,95%);
    - 20 mục chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của 20 đơn vị xã, phường;
    - 10 dự án để hoàn thiện việc lựa chọn, chấp thuận chủ trương đầu tư. Kết quả thực hiện được 1 dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, các dự án còn lại đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ xin chấp thuận chủ trương dự án. Số dự án không chuyển tiếp sang năm 2025 là 09 dự án;
      - Số dự án xã hội hóa giáo dục là: 13 dự án, số dự án hoàn thành là 0/13;
      - Số dự án cho thuê đất nông nghiệp là 03 dự án.
  - \* Như vậy, tổng số 220 công trình, dự án. Cụ thể:
    - 06 dự án đã hoàn thành việc giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất;
    - 125 công trình, dự án đề nghị chuyển tiếp sang năm kế hoạch 2024;
    - 89 công trình, dự án không đề nghị chuyển tiếp sang năm kế hoạch 2024 do có quyết định dừng thực hiện dự án, do hết tiến độ thực hiện dự án, do quá 3 năm chưa thực hiện việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá đất....
- \* Kết quả thu hồi đất năm 2024**

**Bảng 03: Kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2024**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện 2024		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)-(4)	(7) = (5)/(4)*100%
<b>1</b>	<b>Nhóm đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>894,51</b>	<b>213,49</b>	<b>-681,02</b>	<b>23,87</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	799,02	203,60	-595,42	25,48
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	787,69	200,59	-587,10	25,47
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	11,33	3,01	-8,32	26,57
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	21,62	1,87	-19,75	8,65
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	16,24	1,07	-15,17	6,59
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	56,93	6,72	-50,21	11,80
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,70	0,23	-0,47	32,86
<b>2</b>	<b>Nhóm đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>170,43</b>	<b>36,06</b>	<b>-134,38</b>	<b>21,16</b>
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	8,37	0,81	-7,56	9,68
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	1,69	0,77	-0,92	45,47
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,37	0,025	-0,34	6,85
2.4	Đất quốc phòng	CQP				

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện 2024		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
2.5	Đất an ninh	CAN	0,02	0,02		100,00
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN				
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,09	0,04	-0,05	44,44
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH				
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,26	0,05	-0,21	19,02
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	1,20	0,07	-1,13	5,82
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	0,19		-0,19	
2.6.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK				
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh PNN	CSK				
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN				
2.7.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD				
2.7.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,40	1,40		100,00
2.7.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,20		-3,20	
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC				
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	66,74	19,54	-47,20	29,28
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	67,80	9,93	-57,87	14,65
2.8.3	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD				
2.8.4	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,47		-0,47	
2.8.5	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,02	0,004	-0,02	20,00
2.8.6	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,01		-0,01	
2.8.7	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0,06	0,02	-0,04	33,33
2.8.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	2,01	1,12	-0,89	55,72
2.9	Đất tôn giáo	TON				
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN				
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	5,34	1,71	-3,63	32,02
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC				
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC				
2.12.2	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	10,29	0,16	-10,13	1,55
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,13	0,39	-1,74	18,28

Nhóm đất nông nghiệp thu hồi được 213,49ha/ 894,51 ha, đạt 23,87% so với kế hoạch được duyệt;

Nhóm đất phi nông nghiệp thu hồi được 36,06 ha/ 170,43 ha, đạt 21,16% so với kế hoạch được duyệt.

**\* Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024**

**Bảng 04: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024**

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện 2024		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)-(4)	(7) = (5)/(4)*100%
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>924,11</b>	<b>69,10</b>	<b>-855,01</b>	<b>7,48</b>
1.1	Đất lúa nước	LUA/PNN	826,00	67,92	-758,08	8,22
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>814,01</i>	<i>67,92</i>	<i>-746,09</i>	<i>8,34</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	22,47	0,14	-22,33	0,62
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	16,34	0,70	-15,64	4,28
1,4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	58,60	0,34	-58,26	0,58
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,70		-0,70	
<b>2</b>	<b>Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp</b>		<b>0,36</b>	<b>0,36</b>		
<b>3</b>	<b>Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở</b>	<b>PKO/OCT</b>	<b>53,47</b>	<b>5,36</b>	<b>-48,11</b>	<b>10,02</b>

Nhóm đất nông nghiệp:

- Đất trồng lúa thực hiện được 67,92 ha/ 826,00 ha, thực hiện được ít hơn - 758,08 ha so với kế hoạch chuyển mục đích đất trồng lúa được duyệt;

- Đất trồng cây hàng năm khác thực hiện được 0,14 ha/ 22,47 ha, thực hiện được ít hơn 22,33 ha so với kế hoạch chuyển mục đích đất trồng cây hàng năm khác được duyệt;

- Đất trồng cây lâu năm thực hiện được 0,70 ha/ 16,34 ha, thực hiện được ít hơn 15,64 ha so với kế hoạch chuyển mục đích đất trồng cây lâu năm được duyệt;

- Đất nuôi trồng thủy sản thực hiện được 0,34 ha/ 58,60 ha, thực hiện được ít



hơn 58,26 ha so với kế hoạch chuyển mục đích đất nuôi trồng thủy sản được duyệt;

- Đất nông nghiệp khác không thực hiện được chỉ tiêu kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp khác.

#### 2.4. Kết quả thực hiện các công trình, dự án.

**Bảng 05: Kết quả thực hiện các công trình, dự án trong năm 2024**

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
1	<b>Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh</b>					
1.1	<b>Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh</b>					
1	Đầu tư xây dựng căn cứ Hậu cần kỹ thuật trong khu vực phòng thủ thành phố Phủ Lý	1,72		1,72	Kim Bình	Đã GPMB
2	Công trình quốc phòng (Đường hầm trong căn cứ chiến đấu thành phố Phủ Lý)	1,46		1,46	Kim Bình	Đã GPMB
1.2	<b>Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng</b>					
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất					
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất					
-	<b>ĐẤT KHU CÔNG NGHIỆP</b>					
3	Dự án tổ hợp dịch vụ Logistics và nhà xưởng cho thuê	17,56		17,56	Thanh Tuyên	Chưa thực hiện xong việc thuê đất
2	<b>Các công trình, dự án còn lại</b>					
2.1	<b>Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất</b>					

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
-	<b>ĐẤT GIAO THÔNG</b>					
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường 36m phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình (đoạn từ QL.21B đến QL.21) thành phố Phủ Lý	7,70	0,20	7,50	Liêm Tuyên, Liêm Tiết, Liêm Chính	Chưa thực hiện
5	Đầu tư xây dựng đường gom dọc tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh, địa phận tỉnh Hà Nam	0,65		0,65	Liêm Tiết	Đã ban hành thông báo thu hồi đất
6	Đầu tư xây dựng trục dọc Bắc - Nam (phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình), kết nối tỉnh Hà Nam với các tỉnh Hưng Yên, Nam Định địa phận tỉnh Hà Nam (đoạn từ đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu giẽ - Ninh Bình đến Quốc lộ 37B)	6,50		6,50	Trịnh Xá	Chưa thực hiện
7	Đầu tư xây dựng nút giao Phú Thứ và tuyến đường kết nối tại xã Tiên Hiệp, thành phố Phủ Lý.	25,97	11,09	14,88	Tiên Hiệp	Đã giao 11,09 ha đất
8	Cải tạo, mở rộng tuyến đường trục xóm Đảo thuộc tổ dân phố Đọ Xá và tuyến đường trục tổ dân phố Bảo Lộc 2 (đoạn từ trường mầm non đến đường D1 theo quy hoạch), phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý	0,35	0,26	0,09	Thanh Châu	Đang thực hiện
9	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối đường Biên Hòa với phố Xuân Diệu và xây dựng mặt đường phố Xuân Diệu (đoạn từ phố Lý Tự Trọng đến tổ dân phố Mễ Nội, phường Liêm Chính), thành phố Phủ Lý	0,80	0,78	0,02	Liêm Chính	Đang thực hiện

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam**

<b>STT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích dự án (ha)</b>	<b>Diện tích hiện trạng (ha)</b>	<b>Diện tích kế hoạch (ha)</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Kết quả thực hiện năm 2024</b>
10	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông kết hợp kè, gia cố chống sạt lở đê bao thôn Mạnh Tiến, xã Kim Bình, thành phố Phủ Lý	0,61	0,59	0,02	Kim Bình	Đã thu hồi
11	Cải tạo, chỉnh trang một số tuyến đường thuộc các tổ dân phố Thá và Mễ Nội, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý	0,76	0,56	0,20	Liêm Chính	Đang thực hiện
12	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường liền kề với vị trí đầu giá số 3 và một số tuyến đường nhánh kèm hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng khu dân cư thôn Bùi Nguyễn, xã Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý	0,50	0,44	0,06	Trịnh Xá	Đang thực hiện
13	Xây dựng đoạn đường kết nối từ đường dọc bờ Kênh Biên Hòa vào Cụm các trường Mầm non và Tiểu học xã Đĩnh Xá, thành phố Phủ Lý	0,30		0,30	Đĩnh Xá	Đang thực hiện
14	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường Nguyễn Đức Cảnh đến đường N2, thành phố Phủ Lý	1,00		1,00	Thanh Châu, Liêm Chung	Chưa thực hiện
15	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông tổ dân phố Lê Lợi, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý	1,02	0,98	0,04	Châu Sơn	Đã thu hồi
16	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom phía Nam đường Phủ Lý - Mỹ Lộc (đoạn từ bệnh viện Bạch Mai cơ sở 2 đến đường 20,5m thuộc quy hoạch phân khu 1/2000 khu trung tâm y tế chất lượng cao)	0,90		0,90	Liêm Tuyên, Đĩnh Xá	Đang thực hiện

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

<b>STT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích dự án (ha)</b>	<b>Diện tích hiện trạng (ha)</b>	<b>Diện tích kế hoạch (ha)</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Kết quả thực hiện năm 2024</b>
17	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục qua trung tâm hành chính phường Thanh Tuyền kết nối từ đường Nguyễn Công Trứ đến đường Phan Huy Ích, thành phố Phủ Lý	0,82	0,73	0,09	Thanh Tuyền	Đang thực hiện
18	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường 68m đến lô B3, B4 thuộc Quy hoạch khu đô thị Liêm Chính và cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường dân cư Mễ Nội, thành phố Phủ Lý	0,27		0,27	Liêm Chính	Đang thực hiện
19	Đầu tư xây dựng nền đường và hệ thống thoát nước khu vực đoạn tuyến từ đường Lê Duẩn đến QL1A, thành phố Phủ Lý.	2,80	2,55	0,25	Thanh Châu	Đã giao 2,55 ha đất
20	Đầu tư xây dựng tuyến đường dọc kè Tả Đáy đoạn từ Khu đô thị Tài Tâm đến cầu Đọ Xá, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý	0,17	0,11	0,06	Thanh Châu	Đã thu hồi
21	Dự án xây dựng 02 tuyến đường nối khu đấu giá vị trí 1 với đường trục tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý	0,19		0,19	Liêm Chính	Chưa thực hiện
22	Cải tạo, mở rộng lối rẽ vào trụ sở làm việc UBND xã Liêm Chung, thành phố Phủ Lý đoạn từ Đình Tiên Hoàng đến điểm cuối khu đấu giá thôn 5 theo quy hoạch	0,29		0,29	Liêm Chung	Đang thực hiện
23	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng đường giao thông xã Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý (đoạn từ thôn Đôn đến công Thầy Bùi thôn Bùi Nguyễn)	0,43		0,43	Trịnh Xá	Đang thực hiện

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam**

<b>STT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích dự án (ha)</b>	<b>Diện tích hiện trạng (ha)</b>	<b>Diện tích kế hoạch (ha)</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Kết quả thực hiện năm 2024</b>
24	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Trịnh Xá đoạn từ nhà ông Tánh thôn Đôn đến kênh D5; đoạn từ chợ Bùi đến kênh BH4-1 và đoạn từ đường trục xã đến ngã tư nhà ông Xuyên thôn Tràng	0,18		0,18	Trịnh Xá	Đang thực hiện
25	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối các khu đầu giá phía Nam kênh Chính Tây và tuyến đường từ khu đầu giá vị trí 4A đến đường trục xã Liêm Chung	0,71	0,60	0,11	Liêm Chung	Đang thực hiện
26	Cải tạo, chỉnh trang phố Xuân Diệu và tường kè Nam sông Châu (đoạn từ QL1A đến cống xả trạm bơm trại giam), thành phố Phủ Lý	1,91	1,87	0,04	Lương Khánh Thiện, Liêm Chính	Đang thực hiện
27	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục xã Trịnh Xá (đoạn từ QL.37B đến nhà văn hóa thôn Bùi Nguyễn), thành phố Phủ Lý	0,29	0,14	0,15	Trịnh Xá	Đang thực hiện
28	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Quyền (đoạn từ QL1A đến cống Âu thuyền), phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý	0,02		0,02	Quang Trung	Đang thực hiện
29	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông tổ dân phố Hoàng Lương, phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý	0,99	0,89	0,10	Lam Hạ	Đang thực hiện
30	Tăng cường mặt đường Lê Lợi (đoạn từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến cầu Châu Giang), phường Lương Khánh Thiện, thành phố Phủ Lý	0,02		0,02	Lương Khánh Thiện	Đang thực hiện
31	Cải tạo, nâng cấp tuyến	0,25	0,05	0,20	Thanh Tuyên	Đang thực hiện

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam**

<b>STT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích dự án (ha)</b>	<b>Diện tích hiện trạng (ha)</b>	<b>Diện tích kế hoạch (ha)</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Kết quả thực hiện năm 2024</b>
	đường trục tổ 7 phường Thanh Tuyên, thành phố Phủ Lý					
32	Đầu tư xây dựng 02 tuyến đường nội bộ khu HC.11 địa bàn phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý	0,41		0,41	Lam Hạ	Đang làm thủ tục xin giao đất
33	Đầu tư xây dựng tuyến đường 27m phía Bắc khu HC.11 đoạn từ đường Lê Công Thanh đến đường 23m, địa bàn phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý.	0,52		0,52	Lam Hạ	Đang làm thủ tục xin giao đất
34	Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý ngập úng giữa đường Lý Thường Kiệt và đường Lý Thái Tổ, kết hợp xây dựng đường D2 kết nối giao thông đồng bộ	2,05		2,05	Lê Hồng Phong	Đang thực hiện
35	Công trình Đầu tư xây dựng đoạn còn lại ngõ 134 đường Lê Công Thanh, phường Trần Hưng Đạo, TP Phủ Lý	0,05		0,05	Liên Chính	Đang thực hiện
36	Dự án Đầu tư tuyến đường 27m phía bắc HC12 đoạn từ đường Lê Công Thanh đến đường 23m thuộc địa bàn phường Lam Hạ, phường Quang Trung thành phố Phủ Lý	0,64		0,64	Lam Hạ, Quang Trung	Đang làm thủ tục xin giao đất
37	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường D3 Nam Thanh Châu đoạn từ đường Nguyễn Thị Định đến đường N2 theo quy hoạch phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý	0,66		0,66	Thanh Châu	Đã thu hồi
38	Đầu tư xây dựng đơn nguyên II cầu Liên Chính và các công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.	2,00		2,00	Liên Chính, Lam Hạ	Đang làm thủ tục xin giao đất
39	Đầu tư xây dựng tuyến	12,87	5,93	6,94	Liên Chung,	Đã thu hồi

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam**

<b>STT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích dự án (ha)</b>	<b>Diện tích hiện trạng (ha)</b>	<b>Diện tích kế hoạch (ha)</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Kết quả thực hiện năm 2024</b>
	đường 68m địa bàn xã Liêm Chung, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý theo hình thức BT Xây dựng - Chuyên giao				Liêm Chính	
40	Đầu tư xây dựng tuyến đường 30m (đoạn từ đường trục xã đến đường 68m theo quy hoạch) địa bàn xã Liêm Chung, thành phố Phủ Lý	1,98		1,98	Liêm Chung	Đang thực hiện
41	Đầu tư xây dựng tuyến đường 68m địa bàn xã Liêm Chung kết nối với huyện Thanh Liêm (đoạn từ nút giao đường 68m theo quy hoạch vượt đường Đinh Tiên Hoàng và đường sắt Bắc - Nam đến hết địa phận thành phố Phủ Lý	9,01		9,01	Liêm Chung	Đã ban hành thông báo thu hồi đất
42	Đầu tư xây dựng nút giao giữa đường 150m với Quốc lộ 1A và đường sắt Bắc - Nam, thành phố Phủ Lý	1,90	1,25	0,65	Quang Trung	Đã ban hành thông báo thu hồi đất
43	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ song hành đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội (giai đoạn 1), đoạn từ nút giao kết nối với QL.21B (phía bờ hữu sông Nhuệ) đến nút giao với đường Lê Công Thanh giai đoạn 3 (đường 68m) và một bên đoạn từ nút giao Phú Thứ đến nút giao với đường nối hai cao tốc tại xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục	8,99		8,99	Tiên Tân, Tiên Hiệp, Kim Bình	Đã có quyết định thu hồi đất
44	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ song hành 02 bên đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội	22,49		22,49	Tiên Tân, Tiên Hiệp, Kim Bình	Đang thực hiện

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
	(giai đoạn 1), đoạn từ xã Tượng Lĩnh, huyện Kim Bảng (giáp ranh với Hà Nội) đến cầu Tiên Tân (đê sông Nhuệ) và một bên đoạn từ nút giao Phú Thứ đến nút giao với đường nối hai cao tốc tại xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục					
45	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ trường Cao đẳng Thủy Lợi Bắc Bộ đến kênh Chính Tây thuộc thôn 4 và các tuyến đường thuộc thôn 1 xã Liêm Chung, thành phố Phủ Lý	0,19		0,19	Liêm Chung	Chưa thực hiện
-	<b>ĐẤT THỦY LỢI</b>					
46	Nạo vét, kiên cố hóa kênh BH8, tỉnh Hà Nam	1,41		1,41	Liêm Tiết, Liêm Tuyên	Đã lập phương án thu hồi
47	Nạo vét, kiên cố hóa kênh A3-4 kết hợp làm đường giao thông, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	2,40		2,40	Kim Bình, Tiên Tân	Diện tích chưa thu hồi còn lại 0,05 ha
48	Cải tạo, nâng cấp kênh BH10 địa bàn thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	4,00	1,30	2,70	Liêm Chung, Lim Tiết	Đang thực hiện
49	Đầu tư xây dựng tuyến kênh tiêu thoát nước A4-6 phía Tây đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và nền đường dọc kênh (đoạn từ N4 đến sông Châu Giang), thành phố Phủ Lý	9,57	3,07	6,50	Lam Hạ, Tiên Hải	Đang thực hiện
50	Đầu tư cải tạo, nâng cấp kênh Chính Tây và các công trình liên quan để tiêu thoát nước, kết hợp chỉnh trang đô thị trên địa bàn thành phố Phủ Lý theo hình thức đối tác công tư PPP hợp đồng BT.	2,59	0,72	1,87	Liêm Chung	Đang làm thủ tục xin giao đất tiếp
-	<b>ĐẤT GIÁO DỤC</b>					
51	Xây dựng nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ	0,56		0,56	Trịnh Xá	Đang xin chuyển mục



*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
	trường tiểu học xã Trịnh Xá, thành phố Phủ Lý					đích sử dụng đất
52	Xây dựng các hạng mục phụ trợ trường THCS Quang Trung, thành phố Phủ Lý	0,70		0,70	Quang Trung	Đang thực hiện
53	Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý	0,32		0,32	Liên Chính	Đang thực hiện
54	Xây dựng nhà đa năng và một số hạng mục phụ trợ trường Trung học cơ sở xã Tiên Tân, thành phố Phủ Lý	0,34		0,34	Tiên Tân	Đang thực hiện
55	Đầu tư xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THCS Thanh Châu, thành phố Phủ Lý	0,13		0,13	Thanh Châu	Đang làm thủ tục xin giao đất
56	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng trường Mầm non xã Đinh Xá, thành phố Phủ Lý	0,95		0,95	Đinh Xá	Đang làm thủ tục xin giao đất
57	Xây dựng mới nhà lớp học 3 tầng trường Tiểu học xã Đinh Xá, thành phố Phủ Lý	0,90		0,90	Đinh Xá	Đang làm thủ tục xin giao đất
58	Xây dựng mới nhà lớp học 3 tầng, 9 phòng và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Châu Sơn, thành phố Phủ Lý	0,39		0,39	Châu Sơn	Đang làm thủ tục xin giao đất
59	Đầu tư xây dựng Trường trung học cơ sở Liên Tuyên, thành phố Phủ Lý	1,05		1,05	Liên Tuyên	Đang làm thủ tục xin giao đất
-	<b>ĐẤT Y TẾ</b>					
60	Xây dựng Trạm y tế phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý	0,08		0,08	Quang Trung	Đang làm thủ tục xin giao đất
61	Bệnh viện Đa khoa chất lượng cao	5,04		5,04	Liên Tuyên, Đinh Xá	Chưa thực hiện
-	<b>ĐẤT CƠ SỞ VĂN HÓA</b>					
62	Xây dựng nhà văn hóa thôn 5 xã Liên Chung,	0,05		0,05	Liên Chung	Đã ban hành thông báo thu

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
	thành phố Phủ Lý					hồi đất
63	Mở rộng nhà văn hóa tổ 6, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý	0,01		0,01	Lê Hồng Phong	Đang thực hiện
64	Nhà văn hóa kết hợp với khu thể dục thể thao tổ dân phố số 1	0,12	0,05	0,07	Thanh Tuyền	Chưa thực hiện
65	Nhà văn hóa kết hợp với khu thể dục thể thao tổ dân phố số 4	0,10	0,03	0,07	Thanh Tuyền	Chưa thực hiện
66	Nhà văn hóa kết hợp với khu thể dục thể thao tổ dân phố số 6	0,10	0,07	0,03	Thanh Tuyền	Chưa thực hiện
-	<b>ĐẤT CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG</b>					
67	Hoàn thiện, nâng cao năng lực mạch vòng trung áp trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm 2022	0,01		0,01	Đình Xá, Châu Sơn	Đang thực hiện
68	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã, phường thuộc thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam năm 2022	0,06		0,06	Thanh Châu, Hai Bà Trưng, Minh Khai, Lê Hồng Phong, Thanh Tuyền, Phù Vân, Kim Bình	Đã GPMB
69	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã, phường thuộc thành phố Phủ Lý - tỉnh Hà Nam - năm 2023	0,02		0,02	Liên Tiết, Liên Tuyền, Kim Bình, Tiên Hiệp, Quang Trung, Lê Hồng Phong	Đang thực hiện
70	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã thuộc huyện Bình Lục - tỉnh Hà Nam - năm 2023	0,04		0,04	Trịnh Xá	Đang thực hiện
71	Nâng khả năng truyền tải đường dây 110kV từ trạm biến áp 110kV Phủ Lý - TBA 110 Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	0,09		0,09	Liên Tiết, Trịnh Xá	Đang thực hiện
72	Đường dây và TBA 110kV Tiên Hiệp, tỉnh Hà Nam	0,86		0,86	Tiên Hiệp	Đang thực hiện

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
73	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã, phường thuộc thành phố Phủ Lý - tỉnh Hà Nam - năm 2024	0,10		0,10	Đình Xá, Tiên Hiệp, Tiên Tân, Kim Bình, Thanh Châu	Đang thực hiện
74	Dự án Mở rộng và cải tạo lưới điện trung hạ áp tỉnh Hà Nam, thuộc dự án: Phát triển lưới điện truyền tải và phân phối lần 2 vay vốn của Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản JICA	0,05		0,05	Tiên Hiệp, Tiên Hải, Tiên Tân	Đang thực hiện
75	Nhà trực vận hành đội quản lý tổng hợp Tây thành phố Phủ Lý	0,03		0,03	Lê Hồng Phong	Đang thực hiện
76	Mở rộng trạm biến áp 110kV Châu Sơn tại KCN Châu Sơn	0,26		0,26	Châu Sơn	Đang thực hiện
-	<b>ĐẤT CƠ SỞ HẠ TẦNG</b>					
77	Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu du lịch Chùa Bà Đanh, huyện Kim Bảng	0,09		0,09	Kim Bình	Đang làm thủ tục xin giao đất
78	Đầu tư xây dựng chỉnh trang đô thị các khu cây xanh, bãi đỗ xe trên địa bàn thành phố Phủ Lý (5 vị trí)	1,27		1,27	Lê Hồng Phong, Liêm Chính	Đang thực hiện
79	Nạo vét, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật xung quanh các hồ thuộc địa bàn phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý theo hình thức đối tác công tư PPP Hợp đồng BT	3,93	3,23	0,70	Thanh Châu	Đang thực hiện
-	<b>ĐẤT HẠ TẦNG, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ</b>					
80	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật kết hợp chỉnh trang đô thị tại xã Liêm Tuyên, thành phố Phủ Lý thuộc Quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện nhi, trung tâm thương mại, y tế và	3,55		3,55	Liêm Tuyên	Đã ban hành thông báo thu hồi đất

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
	nhà ở tại xã Liêm Tuyền					
-	<b>ĐẤT HẠ TẦNG, ĐẤT Ở</b>					
81	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật kết hợp chỉnh trang khu dân cư nông thôn phía Nam đường ĐT491 thuộc Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Bệnh viện nhi, trung tâm thương mại và nhà ở tại xã Liêm Tuyền	2,36	0,78	1,58	Liêm Tuyền	Đã ban hành thông báo thu hồi đất
82	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật kết hợp chỉnh trang khu dân cư nông thôn tại nút giao đường 68m và đường Lê Đức Thọ địa bàn xã Liêm Chung và xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý	6,82	3,33	3,49	Liêm Chung, Liêm Tiết	Đã ban hành thông báo thu hồi đất
83	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật kết hợp chỉnh trang khu dân cư nông thôn (Khu vực phía Bắc đường nối 02 Cao tốc, phía Đông đường G5-2) thuộc Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Bệnh viện nhi, trung tâm thương mại, y tế và nhà ở tại xã Liêm Tuyền, thành phố Phủ Lý	6,90		6,40	Liêm Tuyền	Đã ban hành thông báo thu hồi đất
84	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật kết hợp chỉnh trang khu dân cư nông thôn (Khu vực phía Bắc đường nối 02 Cao tốc, phía Tây đường G5-3) thuộc Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Bệnh viện nhi, trung tâm thương mại, y tế và nhà ở tại xã Liêm Tuyền, thành phố Phủ Lý	7,20		6,90	Liêm Tuyền	Đã ban hành thông báo thu hồi đất
85	Chỉnh trang đô thị khu vực hồ Lam Hạ 1	7,60	3,12	4,48	Lam Hạ, Quang Trung	Đang thực hiện
-	<b>ĐẤT Ở ĐÔ THỊ</b>					

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam**

<b>STT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích dự án (ha)</b>	<b>Diện tích hiện trạng (ha)</b>	<b>Diện tích kế hoạch (ha)</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Kết quả thực hiện năm 2024</b>
86	Khu tái định cư phục vụ GPMB các dự án trên địa bàn phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý	8,48	8,03	0,45	Lam Hạ	Đã giao 8,03 ha đất
87	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn xây dựng cải tạo, chỉnh trang đường Lý Thái Tổ, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý	3,83	3,40	0,43	Lê Hồng Phong	Đã giao 3,40 ha đất
88	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tạo vốn xây dựng tuyến đường N4 Khu đô thị Nam Châu Giang, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý	0,85	0,10	0,75	Liêm Chính	Diện tích đất chưa thu hồi là 0,06 ha
89	Đầu tư xây dựng Khu dân cư và thương mại phía Đông đường Lê Chân, thành phố Phủ Lý.	9,77		9,77	Lê Hồng Phong	Đang làm thủ tục xin giao đất
90	Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng đường D5 và các dự án khác trên địa bàn	2,04		2,04	Lê Hồng Phong	Đã GPMB
91	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý	4,61	4,41	0,20	Lê Hồng Phong	Đã giao 4,41 ha đất
92	Công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng Nhà lưu niệm đồng chí Lương Khánh Thiện và giải phóng mặt bằng giai đoạn 2 thuộc Khu đền thờ các Anh hùng liệt sĩ và di tích lịch sử văn hóa tỉnh (vị trí 2)	0,24		0,24	Lam Hạ	Đã giao đất xong
93	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở tại một	0,33		0,33	Lam Hạ	Đang xin giao đất

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam**

<b>STT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích dự án (ha)</b>	<b>Diện tích hiện trạng (ha)</b>	<b>Diện tích kế hoạch (ha)</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Kết quả thực hiện năm 2024</b>
	phần lô đất ĐV02 thuộc quy hoạch đô thị Bắc Châu Giang, địa bàn phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý					
94	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất (vị trí 1) Khu đô thị Nam Châu Giang, thành phố Phủ Lý	1,46		1,46	Liêm Chính	Đã GPMB
95	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Nam Trần Hưng Đạo, thành phố Phủ Lý	11,67	11,56	0,11	Liêm Chính	Đã GPMB
96	Các vị trí hoàn trả của dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường N2 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Nam Thanh Châu, thành phố Phủ Lý theo hình thức đối tác công tư PPP Hợp đồng BT	9,20		9,20	Thanh Châu	Chưa thực hiện
97	Chỉnh trang đô thị kết hợp khu nhà ở phía Bắc hồ Lam Hạ	19,51		19,51	Lam Hạ, Quang Trung	Chưa thực hiện
98	Đầu tư xây dựng chỉnh trang đô thị kết hợp xây dựng khu nhà ở tại phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý (PL-ĐT14.22)	4,52		4,52	Lam Hạ	Chưa thực hiện
99	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Nam thành phố Phủ Lý	9,90	9,85	0,05	Thanh Tuyên	Đã kết thúc dự án
100	Đầu tư xây dựng Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn phường Lam Hạ	2,88		2,88	Lam Hạ, Quang Trung	Đã ban hành thông báo thu hồi đất
101	Đầu tư xây dựng Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn phường Lam Hạ và phường Quang	2,28		2,28	Lam Hạ, Quang Trung	Đã ban hành thông báo thu hồi đất

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
	Trung					
-	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN, ĐÔ THỊ</b>					
102	Đầu tư xây dựng đường nối từ nút đường D13 đến đường N2 thuộc khu đô thị Liêm Chính (đường N5 thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 khu đô thị Nam Châu Giang) và hạ tầng kỹ thuật hai bên đường tại xã Liêm Chung và phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý	14,06	11,95	2,11	Liêm Chung, Liêm Chính	Đang thực hiện
103	Đầu tư xây dựng Khu đô thị thời đại và đổi mới sáng tạo (PL-ĐT12.22)	150,14	5,06	145,08	Lam Hạ, Quang Trung, Tiên Tân, Tiên Hiệp	Diện tích đất chưa giao là 47,18 ha; Diện tích thu hồi còn lại, 5,06 ha
104	Đầu tư xây dựng Khu đô thị sinh thái Bắc Châu Giang (PL-ĐT13.22)	176,00		176,00	Lam Hạ, Tiên Hiệp, Tiên Hải	Đã có quyết định thu hồi một phần
105	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới River Silk City phân kỳ 2, 3 địa bàn phường Liêm Chính, xã Liêm Tuyên, thành phố Phủ Lý	31,10	30,05	1,05	Liêm Tuyên, Liêm Chính	Đã thu hồi
106	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị phường Thanh Châu và xã Liêm Chung thuộc ô đất có chức năng là đất dự trữ phát triển theo điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Phủ Lý đến năm 2030 - vị trí hoàn trả số 3 (Dự án hoàn trả vốn nhà đầu tư thực hiện dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp kênh Chính Tây và các công trình liên quan để tiêu thoát nước, kết hợp chỉnh trang đô thị trên địa bàn thành phố Phủ	12,00		12,00	Thanh Châu, Liêm Chung	Chưa thực hiện

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
	Lý theo hình thức hợp đồng Xây dựng Chuyên giao - BT)					
107	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Tây Phù Vân	13,35	13,32	0,03	Phù Vân, Lê Hồng Phong	Đã thu hồi
-	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>					
108	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Liêm Chung để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng và chỉnh trang đô thị trên địa bàn thành phố Phủ Lý	5,32	2,28	3,04	Liêm Chung	Đã thu hồi một phần
109	Khu đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt trong khu dân cư tại xã Đinh Xá, thành phố Phủ Lý vị trí 4,5,6	0,23		0,23	Đinh Xá	Đang thực hiện
110	Đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kết hợp xây dựng nhà ở xóm 7 xã Liêm Tuyên, thành phố Phủ Lý (PL-ĐT15.22)	4,12		4,12	Liêm Tuyên	Đang thực hiện
111	Đầu tư xây dựng Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thành phố Phủ Lý	260,44	42,06	218,38	Tiên Tân, Tiên Hiệp	Đã có quyết định phê duyệt thu hồi đất đợt 1
112	Đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Liêm Tiết – Liêm Càn (PL.ĐT05-22-2)	12,08		12,08	Liêm Tiết	Đang thực hiện
113	Khu dân cư nông thôn mới, kết hợp xây dựng nhà xóm 7 phía Đông Nam nút giao Liêm Tuyên, thành phố Phủ Lý (PL-ĐT16.22)	4,40		4,40	Liêm Tuyên	Đang thực hiện
114	Khu dân cư nông thôn mới kết hợp xây dựng nhà ở và Trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng tại xã Liêm Tuyên và xã Đinh Xá, thành phố Phủ Lý	18,35		18,35	Liêm Tuyên, Đinh Xá	Đã ra thông báo thu hồi
115	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật	1,99		1,99	Đinh Xá	Đang thực hiện



*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
	Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Đinh Xá, thành phố Phủ Lý.					cưỡng chế
116	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Tân Hà - giai đoạn 1 tại xã Tiên Tân và xã Tiên Hiệp, thành phố Phủ Lý	11,98		11,98	Tiên Tân, Tiên Hiệp	Đã thu hồi một phần
117	Xây dựng Tổ hợp các dịch vụ thương mại và bến xe trung tâm tỉnh	6,68		6,68	Liêm Tuyên	Đã thu hồi một phần
118	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và khu nhà ở thấp tầng gồm các lô D, lô E và đất giao thông thuộc quy hoạch chi tiết 1/500 một phần lô đất ở thấp tầng OTT20 Theo thiết kế đô thị dọc tuyến đường 68m - vị trí hoàn trả số 1 (hoàn trả vốn nhà đầu tư thực hiện Đầu tư cải tạo, nâng cấp kênh Chính Tây và các công trình liên quan để tiêu thoát nước, kết hợp chỉnh trang đô thị trên địa bàn thành phố Phủ Lý theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao)	0,67		0,67	Liêm Chung	Đã ban hành quyết định thu hồi
119	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở đô thị thuộc quy hoạch chi tiết 1/500 tại thôn 1, xóm Trại, xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý - vị trí hoàn trả số 2 (hoàn trả vốn nhà đầu tư thực hiện Đầu tư cải tạo, nâng cấp kênh Chính Tây và các công trình liên quan để tiêu thoát nước, kết hợp chỉnh trang đô thị trên địa bàn thành phố Phủ Lý theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao)	2,61		2,61	Liêm Tiết	Đã ban hành quyết định thu hồi
120	Đầu tư xây dựng Khu đô	42,30		42,30	Liêm Tiết	Đang thực hiện

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
	thị mới Liêm Tiết tại địa bàn xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý (PL-ĐT05.21-1)					
121	Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng đường Lê Công Thanh (giai đoạn 3)	1,03	0,17	0,86	Tiên Tân	Đã thu hồi
122	Đầu tư xây dựng Khu đô thị mới phía Tây QL21, thành phố Phủ Lý (PL-ĐT03.21-1)	21,00		21,00	Liêm Chung	Đang thực hiện
123	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở đô thị tại thôn 1, Xóm Trại, xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý	10,74	10,47	0,27	Liêm Tiết	Đã phê duyệt phương án thu hồi đất, chưa trả tiền
124	Đầu tư xây dựng Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng trên địa bàn xã Tiên Tân, thành phố Phủ Lý	2,43	0,06	2,37	Tiên Tân	Đã giao 0,41 ha
125	Đầu tư xây dựng Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn thành phố Phủ Lý (Khu vực phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình)	9,80		9,80	Đình Xá, Trịnh Xá	Đang thực hiện
126	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại vị trí 3 xã Trịnh Xá	0,46		0,46	Trịnh Xá	Đã giao đất
127	Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vị trí 5 tại xã Trịnh Xá	2,03		2,03	Trịnh Xá	Đã giao 1,8 ha
128	Xây dựng khu tái định cư phục vụ GPMB dự án cầu vượt đường sắt Bắc - Nam với QL21 và khu đấu giá quyền sử dụng đất tại địa bàn xã Liêm Chung, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý	4,49	4,45	0,04	Liêm Chung	Đã thu hồi

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam**

<b>STT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích dự án (ha)</b>	<b>Diện tích hiện trạng (ha)</b>	<b>Diện tích kế hoạch (ha)</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Kết quả thực hiện năm 2024</b>
129	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu thương mại, dịch vụ và nhà ở Thành Đạt tại xã Liêm Tuyền, thành phố Phủ Lý	8,70		8,70	Liêm Tuyền, Liêm Tiết	Đang xin giao đất
130	Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở trường Đại học Xây dựng - Thuộc khu đô thị Nam Cao	1,21		1,21	Tiên Tân	Đang xin giao đất
131	Công trình Hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý	3,38		3,38	Liêm Tiết	Đã giao 2,22 ha
132	Khu đô thị mới Tây Phù Vân, thành phố Phủ Lý- khu vực phía Bắc đường Nguyễn Văn Cừ (PL-ĐT04.22)	23,70		23,70	Phù Vân, Lê Hồng Phong	Đang thực hiện
133	Đầu tư xây dựng Khu đô thị Tiên Tân, thành phố Phủ Lý	41,94		41,94	Tiên Tân, Tiên Hiệp	Chưa thực hiện
134	Khu đô thị mới phía Đông Bắc đường Phủ Lý - Mỹ Lộc tại địa bàn xã Đinh Xá và xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý (PL-ĐT02.21)	49,30		49,30	Đinh Xá, Liêm Tiết	Chưa thực hiện
135	Đầu tư xây dựng Khu đô thị Tiên Hiệp thuộc địa bàn xã Tiên Ngoại, xã Tiên Sơn, thị xã Duy Tiên và xã Tiên Hiệp, thành phố Phủ Lý (DT-ĐT28.22)	53,91		53,91	Tiên Hiệp	Chưa thực hiện
136	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới Tân Hà, thành phố Phủ Lý (PL-ĐT08.22)	70,36		70,36	Tiên Tân, Tiên Hiệp	Chưa thực hiện
137	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở đô thị thuộc Quy hoạch phân khu 1/2000 Khu trung tâm y tế chất lượng cao của vùng tại địa bàn các xã Liêm Tiết, Liêm Tuyền, thành phố Phủ Lý.	5,61		5,61	Liêm Tuyền, Liêm Tiết	Đang xin giao đất
138	Đầu tư xây dựng Khu tái	4,00		4,00	Liêm Chung	Đang thực hiện

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
	định cư phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn xã Liêm Chung, thành phố Phủ Lý					
-	<b>ĐẤT XÂY DỰNG TRỤ SỞ CƠ QUAN</b>					
139	Xây dựng trụ sở làm việc Chi cục Thuế Phủ Lý - Kim Bảng	0,31		0,31	Lam Hạ	Đang thực hiện
-	<b>ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA</b>					
140	Xây dựng móng tường bao khu vực phía Nam của nghĩa trang nhân dân phía Tây thành phố Phủ Lý	6,95		6,95	Châu Sơn, Lê Hồng Phong	Đang thực hiện
141	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang hiện trạng thuộc Tổ dân phố Quỳnh Chân, phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý	1,22		1,22	Lam Hạ	Đang thực hiện
142	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang hiện trạng thuộc Tổ dân phố Hoàng Lương, phường Lam Hạ, thành phố Phủ Lý	0,81		0,81	Lam Hạ	Đang thực hiện
143	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang nhân dân (vị trí đầu cầu Phù Vân mới) xã Phù Vân, thành phố Phủ Lý	0,93		0,93	Phù Vân	Đang thực hiện
144	Đầu tư xây dựng nâng cấp nghĩa trang nhân dân tại xã Tiên Tân kết hợp di chuyển mộ khu vực lân cận thuộc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu đô thị Bắc Châu Giang, thành phố Phủ Lý	1,94		1,94	Tiên Tân	Đang thực hiện
145	Đầu tư xây dựng mở rộng nghĩa trang nhân dân Đông Hới, xã Tiên Hiệp, thành phố Phủ Lý	5,12		5,12	Tiên Hiệp	Đang thực hiện giao đất
146	Đầu tư mở rộng nghĩa trang nhân dân phía đông thôn Trúc Sơn, xã Tiên	1,19		1,19	Tiên Tân	Đang thực hiện

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
	Tân, thành phố Phủ Lý					
2.2	<i>Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất</i>					
-	<b>ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PNN</b>					
147	Đầu tư dự án XD Nhà máy sản xuất gỗ ván ép và vật liệu sản xuất nội thất của Công ty Cổ phần Kỹ nghệ gỗ Nam Hải Tiên	3,54		3,54	Lê Hồng Phong	Chưa thực hiện
-	<b>ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ</b>					
148	Đầu tư xây dựng đại lý kinh doanh và bảo dưỡng, sửa chữa ô tô 3S Hà Nam	3,23		3,23	Liêm Tuyên, Đinh Xá	Đã thực hiện chuyển mục đích SDD xong
149	Điều chỉnh mở rộng dự án đầu tư của hàng xăng dầu bán lẻ và trụ sở làm việc của Công ty cổ phần 68 tại phường Thanh Tuyên	0,24		0,24	Thanh Tuyên	Chưa thực hiện
150	Đầu tư xây dựng Trung tâm nông nghiệp công nghệ cao sản xuất cây giống và sản phẩm hoa, cây cảnh chất lượng cao	0,47		0,47	Phù Vân	Đang thực hiện
151	Các vị trí xây dựng biển quảng cáo trên tuyến cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	0,15		0,15	Tiên Hiệp, Tiên Hải, Liêm Tuyên, Liêm Chính, Liêm Chung	Chưa thực hiện
-	<i>Các khu vực sử dụng đất khác</i>					
-	<b>ĐẤT NÔNG NGHIỆP</b>					
152	Dự án đầu tư xây dựng khu sản xuất nông nghiệp tập trung	3,96		3,96	Phù Vân	Chưa thực hiện
153	Bồi thường bằng việc giao đất khi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án	0,36		0,36	Đinh Xá	Chưa thực hiện
-	<b>CHUYỂN MỤC ĐÍCH SANG ĐẤT Ở</b>					
-	<b>Chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị</b>					
154	Chuyển MĐSD từ đất	0,59		0,59	Quang Trung	Chưa thực hiện

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

<b>STT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Diện tích dự án (ha)</b>	<b>Diện tích hiện trạng (ha)</b>	<b>Diện tích kế hoạch (ha)</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Kết quả thực hiện năm 2024</b>
	quốc phòng sang đất ở phường Quang Trung					
155	Chuyển MĐSD từ đất quốc phòng sang đất ở Lương Khánh thiện	0,005		0,005	Lương Khánh Thiện	Chưa thực hiện
156	Chuyển MĐSD từ đất diện lực sang đất ở phường Minh Khai	0,004		0,004	Minh Khai	Chưa thực hiện
157	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư phường Thanh Tuyền	0,121		0,121	Thanh Tuyền	Chưa thực hiện
158	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư tại Phường Lam Hạ	1,000		1,000	Lam Hạ	Chưa thực hiện
159	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư tại Phường Quang Trung	0,347		0,347	Quang Trung	Chưa thực hiện
160	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư tại Phường Minh Khai	0,030		0,030	Minh Khai	Chưa thực hiện
161	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư tại Phường Hai Bà Trưng	0,044		0,044	Hai Bà Trưng	Chưa thực hiện
162	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư tại Phường Lương Khánh Thiện	0,043		0,043	Lương Khánh Thiện	Chưa thực hiện
163	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư tại Phường Liêm Chính	1,000		1,000	Liêm Chính	Chưa thực hiện
164	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư tại Phường Lê Hồng Phong	1,000		1,000	Lê Hồng Phong	Chưa thực hiện
165	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư tại Phường Châu Sơn	0,086		0,086	Châu Sơn	Chưa thực hiện
166	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư tại Phường Thanh Châu	0,737		0,737	Thanh Châu	Chưa thực hiện
167	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư xã Trịnh Xá	0,160		0,160	Trịnh Xá	Chưa thực hiện
168	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư xã	1,000		1,000	Tiên Tân	Chưa thực hiện

**Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam**

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
	Tiên Tân					
169	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư xã Phù Vân	1,000		1,000	Phù Vân	Chưa thực hiện
170	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư xã Kim Bình	0,549		0,549	Kim Bình	Chưa thực hiện
171	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư xã Đinh Xá	0,201		0,201	Đinh Xá	Chưa thực hiện
172	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư xã Tiên Hiệp	1,000		1,000	Tiên Hiệp	Chưa thực hiện
173	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư xã Tiên Hải	0,357		0,357	Tiên Hải	Chưa thực hiện
174	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư xã Liêm Tiết	0,639		0,639	Liêm Tiết	Chưa thực hiện
175	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư xã Liêm Chung	1,000		1,000	Liêm Chung	Chưa thực hiện
176	Chuyển mục đích sang đất ở trong khu dân cư xã Liêm Tuyền	1,000		1,000	Liêm Tuyền	Chưa thực hiện
177	Khu đấu giá quyền sử dụng đất hai bên tuyến đường D2	4,37	4,36	0,01	Lê Hồng Phong	Đang thực hiện đấu giá
178	Dự án đầu tư xây dựng Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở tại phường Lương Khánh Thiện, thành phố Phủ Lý (PL-ĐT21.23)	1,74		1,74	Lương Khánh Thiện	Đang thực hiện đấu giá
179	Khu đất dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất hoàn trả vốn cho Nhà đầu tư thực hiện dự án chỉnh trang, hoàn thiện tuyến đường Trần Văn Chuông (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường D2) (vị trí 1)	3,32		3,32	Lê Hồng Phong	Chưa thực hiện đấu giá
180	Khu đất dự án đầu tư xây	0,61		0,61	Liêm Chính	Chưa thực hiện

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
	dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất ở Lô B4, lô B3 thuộc Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/1000 Khu đô thị Liêm Chính, thành phố Phủ Lý để hoàn trả vốn nhà đầu tư thực hiện dự án nạo vét, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật xung quanh các hồ trên địa bàn phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý theo hình thức đối tác công tư PPP (hợp đồng BT) (vị trí 3)					đầu giá
181	Đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại kết hợp nhà ở tại phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý	1,03		1,03	Liêm Chính	Đã đầu giá xong
182	Khu đất dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đất hoàn trả vốn cho Nhà đầu tư thực hiện dự án nạo vét, chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật xung quanh các hồ trên địa bàn phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý theo hình thức đối tác công tư PPP (hợp đồng BT) (vị trí 2)	4,56		4,56	Liêm Chung, Liêm Chính	Chưa thực hiện đầu giá
-	<b>ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN</b>					
183	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở tại xã Đinh Xá, thành phố Phủ Lý (PL-ĐT.18.23)	2,69		2,69	Đinh Xá	Đã đầu giá xong
184	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại xã Liêm Chung và xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý (PL-ĐT20.23)	2,31		2,31	Liêm Chung, Liêm Tiết	Đã đầu giá xong
185	Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở tại xã Kim	10,21		10,21	Kim Bình	Đang thực hiện đầu giá



*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
	Bình, thành phố Phủ Lý (PL-ĐT.19.23)					
186	Khu đất dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở hoàn trả vốn cho nhà đầu tư thực hiện dự án xây dựng các tuyến đường xung quanh Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - Cơ sở 2 theo hình thức PPP (hợp đồng BT) (vị trí 01)	0,73		0,73	Liên Tuyền	Chưa thực hiện đấu giá
187	Đầu tư xây dựng tổ hợp thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở đô thị tại xã Liên Tuyền, thành phố Phủ Lý	3,54		3,54	Liên Tuyền	Chưa thực hiện đấu giá
-	<b>ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ</b>					
188	Khu nhà ở phía đông đường Lê Đức Thọ	3,80		3,80	Liên Chính	Chưa thực hiện đấu giá
189	Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ thương mại tại phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý	2,80		2,80	Liên Chính	Chưa thực hiện đấu giá
190	Khu nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại phía Tây nút giao Liêm Tuyền, thành phố Phủ Lý	4,50		4,50	Liên Chính	Chưa thực hiện đấu giá
191	Dự án tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại và căn hộ để bán, cho thuê Mường Thanh tại thành phố Phủ Lý	1,25		1,25	Quang Trung	Chưa thực hiện đấu giá
-	<b>ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ</b>					
192	Dự án Khu thương mại phía nam cầu Châu Sơn, thành phố Phủ Lý	1,00		1,00	Châu Sơn	Chưa thực hiện đấu giá
193	Đấu giá quyền sử dụng đất để đầu tư xây dựng Khu thương mại dịch vụ tại phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý	0,06		0,06	Liên Chính	Chưa thực hiện đấu giá
194	Lô DVTM-01 thuộc Quy	0,88		0,88	Liên Tuyền	Chưa thực hiện

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
	hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu phía Nam thuộc khu đô thị mới River Silk City					đấu giá
195	Đầu tư xây dựng kho bãi hàng hóa tại phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý	3,21		3,21	Châu Sơn	Đang thực hiện đấu giá
-	<b>ĐẤT CƠ SỞ Y TẾ</b>					
196	Xây dựng trạm y tế phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý	0,05		0,05	Lê Hồng Phong	Chưa thực hiện
-	<b>ĐẤT CƠ SỞ VĂN HÓA</b>					
197	Đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa điện ảnh và vui chơi giải trí tại phường Lương Khánh Thiện	0,13		0,13	Lương Khánh Thiện	Chưa thực hiện
198	Nhà văn hóa thôn Đại Cầu, xã Tiên Tân	0,06		0,06	Tiên Tân	Chưa thực hiện
199	Nhà văn hóa thôn Đào, xã Liêm Tiết	0,05		0,05	Liêm Tiết	Chưa thực hiện
200	Nhà văn hóa thôn Chiền, xã Liêm Tiết	0,03		0,03	Liêm Tiết	Chưa thực hiện
201	Nhà văn hóa liên tổ 1+2, phường Quang Trung	0,03		0,03	Quang Trung	Chưa thực hiện
202	Xây dựng nhà văn hóa thôn 4 Tái Kênh, xã Đinh Xá, thành phố Phủ Lý	0,08		0,08	Đinh Xá	Đang thực hiện
-	<b>ĐẤT CHỢ</b>					
203	Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp chợ Thanh Sơn, tại phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý	0,77		0,77	Lê Hồng Phong	Chưa thực hiện
204	Dự án cải tạo, nâng cấp chợ Bàu - thành phố Phủ Lý	0,22		0,22	Lương Khánh Thiện	Đã giao đất xong
-	<b>ĐẤT CƠ SỞ GIÁO DỤC</b>					
205	Đầu tư xây dựng Trường mầm non tư thực chất lượng cao	0,59		0,59	Lương Khánh Thiện	Chưa thực hiện
206	Trường mầm non tư thực NT2	0,51		0,51	Châu Sơn	Chưa thực hiện
207	Trường mầm non tư thực	0,20		0,20	Châu Sơn	Chưa thực hiện

*Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam*

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích kế hoạch (ha)	Địa điểm	Kết quả thực hiện năm 2024
	NT3					
208	Trường phổ thông tư thực liên cấp	0,78		0,78	Châu Sơn	Chưa thực hiện
209	Đầu tư xây dựng trường tiểu học tư thực tại xã Liêm Tuyền	0,61		0,61	Liêm Tiết	Chưa thực hiện
210	Đầu tư xây dựng trường trung học tư thực tại xã Liêm Tuyền	1,02		1,02	Liêm Tiết	Chưa thực hiện
211	Đầu tư xây dựng trường tiểu học tư thực tại xã Liêm Tuyền	0,56		0,56	Liêm Chính	Chưa thực hiện
212	Dự án đầu tư xây dựng trường mầm non chất lượng cao	0,43		0,43	Liêm Chính, Liêm Tuyền	Chưa thực hiện
213	Dự án đầu tư xây dựng trường tư thực liên cấp	1,23		1,23	Liêm Tuyền	Chưa thực hiện
214	Trường học tư thực tại phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý	0,89		0,89	Liêm Chính	Đang thực hiện
215	Dự án đầu tư xây dựng trường mầm non	0,22		0,22	Liêm Chính	Chưa thực hiện
216	Đầu tư xây dựng liên trường Tiểu học và THCS tư thực	0,76		0,76	Liêm Chính	Chưa thực hiện
217	Dự án đầu tư xây dựng trường mầm non tư thực	0,23		0,23	Liêm Chung	Chưa thực hiện
-	<b>CHO THUÊ ĐẤT NÔNG NGHIỆP CÔNG ÍCH</b>					
218	Cho thuê đất nông nghiệp công ích xã Kim Bình	1,883		1,883	Kim Bình	Đang thực hiện
219	Cho thuê đất nông nghiệp công ích xã Phù Vân	5,938		5,938	Phù Vân	Đang thực hiện
220	Cho thuê đất nông nghiệp công ích xã Đinh Xá	30,697		30,697	Đinh Xá	Đang thực hiện

**3. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024**

**3.1. Những thành tựu**

- Kế hoạch sử dụng đất của Thành phố sau khi được phê duyệt đã tổ chức

công bố công khai theo quy định. Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ Thành phố đến các phường, xã.

- Việc đầu tư và triển khai các chương trình, dự án hàng năm tuân theo quy hoạch, kế hoạch đã được duyệt. Chỉ các công trình, dự án có trong danh mục kế hoạch sử dụng đất mới được triển khai thủ tục đầu tư tiếp theo.

- Công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất khi thực hiện cơ bản đã dựa trên kế hoạch hàng năm được phê duyệt, là cơ sở pháp lý trực tiếp liên quan.

- Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện được thực hiện theo quy định của luật Đất đai năm 2013 đã bám sát quy hoạch được duyệt, đáp ứng yêu cầu của thực tế.

- Trên cơ sở kế hoạch được phê duyệt, phường, xã, phòng ban đã chủ động phân bổ quỹ đất một cách hợp lý cho nhu cầu phát triển của các ngành, các lĩnh vực, đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đã có sự phối hợp trong kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng trên địa bàn làm tăng tính khả thi của các quy hoạch.

### **3.2. Những tồn tại**

- Nguồn lực đầu tư thực hiện các công trình, dự án còn thiếu chủ động và gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, chậm so với kế hoạch nêu ra.

- Nhiều công trình dự án triển khai chậm còn do công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng nên cũng làm giảm tính khả thi trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất.

- Trong quá trình triển khai thực hiện còn nhiều khó khăn, chưa đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ ở các cấp do vậy hiệu quả khai thác và thực hiện chưa cao.

- Trong tài liệu kế hoạch sử dụng đất của các cấp có danh mục công trình, dự án cụ thể, tạo thuận lợi khi thực hiện nhưng cũng có khó khăn khi cần thiết phải bổ sung hạng mục có thể với quy mô nhỏ nhưng tính cấp thiết cao.

- Đăng ký nhu cầu sử dụng đất của một số ngành, đơn vị, chủ đầu tư có liên quan đến sử dụng đất phi nông nghiệp còn nặng về định hướng lâu dài mà chưa cân nhắc đầy đủ đến khả năng thực hiện trong kế hoạch nên dẫn đến mức độ thực hiện còn thấp so với chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch. Điều này liên quan đến công tác dự báo trong quy hoạch của các ngành.

- Việc phát triển sử dụng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn Thành phố khá mạnh mẽ, có nhiều dự án đăng ký nhu cầu sử dụng đất với quy mô diện tích khá lớn nhưng thực tế triển khai thì thấp hơn nhiều.

- Đánh giá thực hiện kế hoạch theo các chỉ tiêu sử dụng đất còn bị ảnh hưởng bởi kết quả thống kê, kiểm kê đất đai như việc thay đổi các chỉ tiêu thống kê, kiểm kê đất đai, việc chính xác lại diện tích loại đất đo đạc bản đồ...

- Một số hạng mục công trình đã có trong chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng cơ quan chủ đầu tư chưa hoàn thiện xong các thủ tục dự án dẫn đến phải điều chỉnh, gia hạn tiến độ thực hiện.

- Chất lượng kế hoạch còn thấp, một số công trình, dự án còn mang tính chủ quan nên ảnh hưởng rất lớn đến việc quản lý sử dụng đất.

### **III. LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT**

#### **1. Chỉ tiêu sử dụng đất**

##### **1.1. Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ từ kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính**

Chỉ tiêu sử dụng đất của Thành phố năm 2025 được phân bổ dựa trên cơ sở danh mục công trình, dự án trình Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam thông qua về danh mục các dự án cần thu hồi đất, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

##### **1.2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực**

Theo định hướng kế hoạch của các ngành và để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố năm 2025. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất của một số ngành thực hiện trong năm 2025, như sau:

\* *Ngành nông - lâm nghiệp, thủy sản:*

Tổng nhu cầu đất nông nghiệp	: 3.003,25 ha.
<i>Trong đó:</i>	
- Đất trồng lúa	: 1.972,70 ha.
- Đất trồng cây hàng năm khác	: 247,14 ha.
- Đất trồng cây lâu năm	: 361,47 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản	: 414,81 ha.
- Đất nông nghiệp khác	: 7,13 ha.

Định hướng phát triển nông nghiệp hàng hoá, chuyển dịch mạnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi,... phát triển mạnh loại hình sản xuất hàng hóa, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh.

\* *Ngành công nghiệp:* Năm 2025, ngoài việc đầu tư hoàn thiện các khu, cụm công nghiệp hiện có, đến năm 2025 thành phố không có nhu cầu mở rộng thêm các khu – cụm công nghiệp mà tập trung chủ yếu kêu gọi đầu tư, hoàn thiện hồ sơ cho thuê đất trong các khu – cụm công nghiệp sau khi đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật.

\* *Nghành du lịch - thương mại*: Năm 2025, thành phố sẽ tiếp tục đầu tư xây dựng các cơ sở thương mại, nâng cấp và xây dựng một số cơ sở sản xuất kinh doanh vừa và nhỏ.

\* *Hệ thống hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã*:

- *Giao thông*: Năm 2025, tập trung mở rộng và đầu tư mới các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ, đường cao tốc theo hình thức BOT.

- *Văn hoá*: Đầu tư xây dựng các trung tâm văn hoá, nhà văn hoá ở các phường, xã, các khu đô thị, khu dân cư.

- *Y tế*: Xây mới, mở rộng, nâng cấp các cơ sở y tế, bệnh viện năm 2025.

Diện tích đất xây dựng công trình sự nghiệp cần khoảng 160,33 ha trong năm 2025; Diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng cần khoảng 533,42 ha trong năm 2025.

### **1.2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch sử dụng đất**

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh Hà Nam, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của Thành phố và các kế hoạch chi tiết các phường, xã trên địa bàn Thành phố. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các kế hoạch chi tiết các phường, xã. Dự báo về nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 trên địa bàn thành phố như sau:

- Đất nông nghiệp : 3.003,25 ha;
- Đất phi nông nghiệp : 5.722,46 ha;

Trong năm 2024, có nhiều dự án đã được phê duyệt kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện được. Nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng này là do thiếu vốn; một số dự án chưa có nhà đầu tư; một số dự án chưa thu hồi được đất để giải phóng mặt bằng; ngoài ra phần lớn là các dự án đã thu hồi đất xong nhưng chưa hoàn thiện thủ tục giao đất. Do đó một số dự án trong năm 2024 sẽ được chuyển sang năm 2025 và những năm tiếp theo.

### **1.2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân**

Nhu cầu sử dụng đất trong năm 2025 được tổng hợp và dự báo dựa trên cơ sở:

- Nghị quyết đại hội Đảng bộ Thành phố Phủ Lý.
- Chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ đến năm 2024 còn lại của thành phố Phủ Lý và chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất được quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch.
- Hiện trạng sử dụng đất năm 2024 của thành phố Phủ Lý.

- Nhu cầu sử dụng đất do các cơ quan trực thuộc Tỉnh, các phòng, ban của Thành phố, các phường, xã đăng ký thực hiện trong năm 2025.

Trong năm 2025 số công trình, dự án kế hoạch trong năm: dự án năm trước chuyển sang và các dự án mới phát sinh tổng cộng là 152 dự án. Số lượng dự án đăng ký thực hiện trong năm kế hoạch là khá lớn, do đó cần nghiên cứu xem xét và ưu tiên vốn để thực hiện các dự án mang tính cấp bách, đáp ứng nhu cầu của phần lớn người dân và có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của Thành phố. Còn các dự án thiếu vốn, thiếu nhà đầu tư, chưa có tính cấp bách ở thời điểm hiện tại thì đề nghị chuyển qua thực hiện ở các năm tiếp theo.

Trên cơ sở xác định nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trên địa bàn Thành phố. Xác định các hạng mục công trình dự án, nhu cầu sử dụng đất của Thành phố được đề xuất sử dụng đất trong năm 2025.

## **2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất**

Trên cơ sở các chỉ tiêu phân bổ của Tỉnh và nhu cầu sử dụng đất của các cấp, các ngành, lĩnh vực trên địa bàn; tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm kế hoạch sử dụng đất của thành phố Phủ Lý như sau:

### **2.1. Đất nông nghiệp**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất nông nghiệp là 4.096,38 ha, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 là 3.003,25 ha, giảm 1.093,13 ha so với hiện trạng năm 2024. Chi tiết các loại đất trong đất nông nghiệp như sau:

#### *2.1.1. Đất trồng lúa*

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất trồng lúa là 2.964,79 ha. Đến hết năm kế hoạch năm 2025 diện tích trồng đất lúa còn 1.972,70 ha. Trong năm kế hoạch 2025 diện tích đất trồng lúa giảm 992,09 ha so với năm 2024, cụ thể giảm sang các loại đất như sau:

- Đất ở tại nông thôn: 25,19 ha;
- Đất ở tại đô thị: 164,87 ha;
- Đất trụ sở cơ quan: 4,31 ha;
- Đất an ninh: 0,37 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 127,15 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 42,79 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 537,46 ha;
- Đất cơ sở tín ngưỡng: 0,28 ha;

- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 12,03 ha;
- Đất mặt nước chuyên dùng: 77,64 ha.

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác*

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất trồng cây hàng năm khác là: 280,47 ha. Quỹ đất cho mục đích này kế hoạch đến năm 2025 là 247,14 ha, giảm 33,33 ha so với năm 2024, cụ thể

- + Đất ở tại nông thôn: 1,18 ha;
- + Đất ở tại đô thị: 13,46 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 3,81 ha;
- + Đất thương mại dịch vụ: 0,91 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 12,30 ha;
- + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 0,10 ha;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,57 ha.

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.1.3. Đất trồng cây lâu năm*

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất trồng cây lâu năm là 373,59 ha. Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025, quỹ đất cho mục đích này là 361,47 ha, giảm 12,12 ha so với hiện trạng năm 2024. Nguyên nhân do chuyển sang các loại đất sau:

- + Đất ở tại nông thôn: 0,52 ha.
- + Đất ở tại đô thị: 3,90 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 1,20 ha;
- + Đất thương mại dịch vụ: 0,30 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 6,18 ha;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,02 ha.

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.1.4. Đất nuôi trồng thủy sản*

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 462,96 ha. Diện tích đất cho mục đích này đến năm 2025 là 414,81 ha, giảm 48,15 ha so với năm 2024, cụ thể chuyển sang các loại đất sau:



- + Đất ở tại nông thôn: 1,20 ha;
  - + Đất ở tại đô thị: 10,96 ha;
  - + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 9,62 ha;
  - + Đất thương mại dịch vụ: 0,86 ha;
  - + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 21,39 ha;
  - + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 0,35 ha;
  - + Đất có mặt nước chuyên dùng: 3,77 ha
- (Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.1.5. Đất nông nghiệp khác*

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất nông nghiệp khác là 14,57 ha. Diện tích đất cho mục đích này đến năm 2025 là 7,13 ha, giảm 7,44 ha so với hiện trạng năm 2024. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

- + Đất thương mại dịch vụ: 2,15 ha;
  - + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 5,29 ha;
- (Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

### **2.2. Đất phi nông nghiệp**

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất phi nông nghiệp là 4.626,60 ha. Diện tích đất phi nông nghiệp theo kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 là 5.722,46 ha, tăng 1.095,86 ha so với hiện trạng năm 2024. Chi tiết các loại đất trong đất phi nông nghiệp như sau:

#### *2.2.1. Đất ở tại nông thôn*

Hiện trạng năm 2024 đất ở tại nông thôn có diện tích là 557,99 ha. Diện tích cho mục đích này đến năm 2025 là 256,30ha, giảm 301,68 ha so với năm hiện trạng 2024 do các nguyên nhân sau:

- + Tăng 32,15 ha do chuyển sang từ các loại đất sau:
  - Đất trồng lúa: 25,19 ha;
  - Đất trồng cây hàng năm khác: 1,18 ha;
  - Đất trồng cây lâu năm: 0,52 ha;
  - Đất nuôi trồng thủy sản: 1,20 ha;
  - Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 3,72 ha;

- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,34 ha;
- + Giảm 333,83 ha do chuyển sang các loại đất:
  - Đất ở tại đô thị: 322,96 ha. Do các xã chuyển lên phường;
  - Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,52 ha;
  - Đất thương mại, dịch vụ: 4,21 ha;
  - Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 6,14 ha;

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

### *2.2.2. Đất ở tại đô thị*

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất ở tại đô thị là 634,78 ha. Diện tích quỹ đất cho mục đích này kế hoạch đến năm 2025 là 1.189,20 ha, tăng 554,42 ha so với năm 2024 do được chuyển sang từ các loại đất sau:

- + Tăng 555,97 ha do chuyển sang từ các loại đất sau:
  - Đất trồng lúa: 164,87 ha;
  - Đất trồng cây hàng năm khác: 13,46 ha;
  - Đất trồng cây lâu năm: 3,90 ha;
  - Đất nuôi trồng thủy sản: 10,96 ha;
  - Đất ở tại nông thôn: 322,96 ha;
  - Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,06 ha;
  - Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 35,75 ha;
  - Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 1,00 ha;
  - Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,91 ha;
  - Đất phi nông nghiệp khác: 1,06 ha;
  - Đất chưa sử dụng: 0,03 ha;
- + Giảm 1,55 ha do chuyển sang các loại đất sau:
  - Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,01 ha;
  - Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1,48 ha;
  - Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,06 ha;

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

### *2.2.3. Đất xây dựng trụ sở cơ quan*

Hiện trạng năm 2024 đất xây dựng trụ sở cơ quan có diện tích là 38,70 ha. Diện tích cho mục đích này đến năm 2025 là 42,83 ha, tăng 4,14 ha so với năm hiện trạng

2024 do được chuyển sang từ các loại đất sau:

+ Tăng 4,43 ha do chuyển sang từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 4,31 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,12 ha;

+ Giảm 0,30 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,21 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,09 ha;

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.2.4. Đất quốc phòng*

Năm 2024 đất quốc phòng có diện tích 13,25 ha. Trong năm kế hoạch 2025 diện tích đất quốc phòng là 13,25 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2024.

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.2.5. Đất an ninh*

Năm 2024 đất an ninh có diện tích 14,70 ha. Trong năm kế hoạch 2025 diện tích đất 15,08 ha, tăng 0,38 ha so với năm 2024. Cụ thể:

+ Tăng 0,40 ha do chuyển sang từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 0,37 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,03 ha;

+ Giảm 0,02 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.2.6. Đất xây dựng công trình sự nghiệp*

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 296,07 ha. Diện tích quỹ đất cho mục đích này kế hoạch đến năm 2025 là 456,40 ha, tăng 160,33 ha so với năm 2024. Cụ thể:

+ Tăng 161,86 ha do chuyển sang từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 127,15 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 3,81 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 1,20 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 9,62 ha;
- Đất ở tại nông thôn: 0,52 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,01 ha;
- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,21 ha;

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,01 ha;
  - Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 15,77 ha;
  - Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 0,41 ha;
  - Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,82 ha;
  - Đất phi nông nghiệp khác: 0,16 ha;
  - Đất bằng chưa sử dụng: 0,74 ha;
  - Chu chuyển nội bộ: 0,43 ha;
- + Giảm 1,54 ha do chuyển sang các loại đất:
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,23 ha;
  - Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,88 ha;
  - Chu chuyển nội bộ: 0,43 ha;
- (Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.2.7. Đất khu công nghiệp*

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất khu công nghiệp là 531,02 ha. Trong năm kế hoạch 2025 diện tích đất khu công nghiệp là 531,02 ha. Giữ nguyên so với năm 2024.

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.2.8. Đất cụm công nghiệp*

Hiện trạng năm 2024 diện tích đất cụm công nghiệp là 80,48 ha. Trong năm kế hoạch 2025 diện tích đất cụm công nghiệp là 80,48 ha. Giữ nguyên so với năm 2024.

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.2.9. Đất khu công nghệ thông tin tập trung*

Trên địa bàn thành phố Phủ Lý hiện không có loại đất này.

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.2.10. Đất thương mại, dịch vụ*

Hiện trạng năm 2024 đất thương mại, dịch vụ có diện tích là 44,70 ha. Diện tích đất thương mại, dịch vụ đến năm 2025 là 105,26 ha, tăng 60,56 ha. Cụ thể chuyển từ các loại đất khác sang như sau:

- Đất trồng lúa: 42,79 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,91 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 0,30 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,86 ha;

- Đất nông nghiệp khác: 2,15 ha;
- Đất ở tại nông thôn: 4,21 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,23 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,40 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 6,60 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 1,05 ha;
- Đất phi nông nghiệp khác: 0,06 ha;

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.2.11. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp*

Hiện trạng năm 2024 đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp có diện tích 127,14 ha. Diện tích đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp đến năm 2025 là 123,63 ha, giảm 3,51 ha so với hiện trạng năm 2024. Do chuyển sang các loại đất khác như sau:

- Đất ở tại đô thị: 1,06 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,01 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 1,40 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1,04 ha;;

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.2.12. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản*

Trên địa bàn thành phố Phủ Lý hiện không có loại đất này.

#### *2.2.13. Đất sử dụng vào mục đích công cộng*

Hiện trạng năm 2024 đất sử dụng vào mục đích công cộng có diện tích 1.633,49 ha. Diện tích Đất sử dụng vào mục đích công cộng đến năm 2025 là 2.166,90 ha, tăng 533,42 ha so với hiện trạng năm 2024. Cụ thể như sau:

+ Diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng tăng: 681,58 ha do được chuyển sang từ các loại đất sau:

- Đất trồng lúa: 537,46 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 12,30 ha;
- Đất trồng cây lâu năm khác: 6,18 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 21,39 ha;
- Đất nông nghiệp khác: 5,29 ha;
- Đất ở tại nông thôn: 6,14 ha;
- Đất ở tại đô thị: 1,48 ha;

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,09 ha;
- Đất an ninh: 0,02 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,88 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,04 ha;
- Đất tôn giáo: 0,02 ha;
- Đất tín ngưỡng: 0,11 ha;
- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 5,42 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 6,58 ha;
- Đất phi nông nghiệp khác: 0,70 ha;
- Đất chưa sử dụng: 1,96 ha;
- Chu chuyển nội bộ: 74,53 ha.

+ Diện tích đất sử dụng vào mục đích công cộng giảm: 148,16 ha do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất ở tại nông thôn: 3,72 ha;
- Đất ở tại đô thị: 35,75 ha;
- Đất trụ sở cơ quan: 0,12 ha;
- Đất an ninh: 0,03 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 15,77 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 6,60 ha;
- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 1,10 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 10,54 ha;
- Chu chuyển nội bộ: 74,53 ha.

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.2.14. Đất tôn giáo*

Hiện trạng năm 2024 đất cơ sở tín ngưỡng có diện tích là 14,85 ha. Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng đến năm 2025 là 14,83 ha. Giảm 0,02 ha so với năm 2024, do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.2.15. Đất tín ngưỡng*

Hiện trạng năm 2024 đất cơ sở tín ngưỡng có diện tích là 13,45 ha. Diện tích đất cơ sở tín ngưỡng đến năm 2025 là 13,62 ha. Tăng 0,17 ha so với năm 2024. Cụ thể:

- + Tăng 0,28 ha do chuyển sang từ đất trồng lúa;

+ Giảm 0,11 ha do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

*2.2.16. Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt*

Hiện trạng năm 2024 đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt có diện tích là 125,72 ha. Diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt đến năm 2025 là 131,74 ha. Tăng 6,02 ha so với năm 2024, do được chu chuyển như sau:

+ Tăng 13,75 ha do chuyển sang từ các loại đất:

- Đất trồng lúa: 12,03 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 0,10 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 0,35 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1,10 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,17 ha;

+ Giảm 7,73 ha do chuyển sang các loại đất:

- Đất ở tại đô thị: 1,00 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,41 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 5,42 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,90 ha;

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

*2.2.17. Đất có mặt nước chuyên dùng*

*\* Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá*

Hiện trạng năm 2024 đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá có diện tích là 72,41 ha. Diện tích quỹ đất cho mục đích này kế hoạch đến năm 2025 là 157,19 ha, tăng 84,78 ha so với năm 2024, do chu chuyển như sau:

+ Tăng 94,70 ha do chuyển từ các loại đất khác sang:

- Đất trồng lúa: 77,64 ha;
- Đất trồng cây hàng năm: 1,57 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 0,02 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 3,77 ha;
- Đất ở tại đô thị: 0,06 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 10,54 ha;
- Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 0,90 ha;

- Đất phi nông nghiệp khác: 0,20 ha;
  - + Giảm 9,92 ha do chuyển sang các loại đất sau:
    - Đất ở tại nông thôn: 0,34 ha;
    - Đất ở tại đô thị: 0,91 ha;
    - Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 1,82 ha;
    - Đất thương mại, dịch vụ: 1,05 ha;
    - Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 5,63 ha;
    - Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 0,17 ha;
- (Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

*\* Đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối*

Hiện trạng năm 2024 đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối có diện tích là 392,09 ha. Diện tích đất có mặt nước chuyên dùng dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối đến năm 2025 là 391,14 ha, giảm 0,95 ha so với năm 2024 do chuyển sang đất sử dụng vào mục đích công cộng.

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

#### *2.2.18. Đất phi nông nghiệp khác*

Hiện trạng năm 2024 đất phi nông nghiệp khác có diện tích là 35,76 ha. Diện tích quỹ đất cho mục đích này kế hoạch đến năm 2025 là 33,58 ha, giảm 2,18 ha so với năm 2024, do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất ở đô thị: 1,06 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,16 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 0,06 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 0,70 ha;
- Đất có mặt nước chuyên dùng: 0,20 ha.

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

### **2.3. Đất chưa sử dụng**

Hiện trạng năm 2024 đất chưa sử dụng có diện tích là 40,88 ha. Đến năm 2025 còn lại là 38,15 ha, giảm 2,73 ha so với năm 2024, do chuyển sang các loại đất sau:

- Đất ở tại đô thị: 0,03 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,74 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1,96 ha;

(Chi tiết xem Biểu 17/CH; Biểu 24/CH; Biểu 25/CH).

### **3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng**



Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch 2025 là 2,73 ha, trong đó đưa vào sử dụng cho các mục đích sau:

- Đất ở tại nông thôn: 0,03 ha;
- Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 0,74 ha;
- Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 1,96 ha;

*(Ghi chú: Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch theo từng đơn vị hành chính cấp xã thể hiện tại biểu 18/CH).*

#### **4. Diện tích đất cần thu hồi**

Diện tích đất thu hồi trong năm kế hoạch 2025 là 1.219,46 ha, trong đó:

- Thu hồi đất nông nghiệp 1.040,38 ha, bao gồm:

- + Đất trồng lúa: 942,23 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 32,09 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 11,65 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 46,97 ha;
- + Đất nông nghiệp khác: 7,44 ha;

- Thu hồi đất phi nông nghiệp 179,08 ha:

- + Đất ở nông thôn: 10,87 ha;
- + Đất ở tại đô thị: 1,06 ha;
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 0,24 ha;
- + Đất an ninh: 0,02 ha;
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 1,24 ha;
- + Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,49 ha;
- + Đất sử dụng vào mục đích công cộng: 143,95 ha;
- + Đất tôn giáo: 0,02 ha;
- + Đất tín ngưỡng: 0,11 ha;
- + Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt: 7,53 ha;
- + Đất có mặt nước chuyên dùng: 10,39 ha;
- + Đất phi nông nghiệp khác: 2,17 ha.

*(Ghi chú: Xác định diện tích đất cần thu hồi trong năm kế hoạch theo từng đơn vị hành chính cấp xã thể hiện tại biểu 19/CH).*

#### **5. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích**

Để đáp ứng nhu cầu đất cho phát triển của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn thành phố nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và quá trình phát triển theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đòi hỏi phải bố trí một quỹ đất hợp lý cho các ngành, các lĩnh vực và các địa phương.

**\* Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp:**

Diện tích đất nông nghiệp chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch 2025 là 1.093,13 ha, trong đó:

- + Đất trồng lúa: 992,09 ha;
- + Đất trồng cây hàng năm khác: 33,33 ha;
- + Đất trồng cây lâu năm: 12,12 ha;
- + Đất nuôi trồng thủy sản: 48,15 ha;
- + Đất nông nghiệp khác: 7,44 ha;

**\* Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp:**

Trên địa bàn thành phố không có diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng nội bộ đất nông nghiệp.

**\* Chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện các dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn**

Trên địa bàn thành phố không có diện tích chuyển các loại đất khác sang đất chăn nuôi tập trung khi thực hiện dự án chăn nuôi tập trung quy mô lớn.

**\* Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp**

Diện tích chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất phi nông nghiệp là 46,72 ha. Trong đó:

Diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển mục đích sang đất ở là 45,09 ha. Do chuyển từ các loại đất khác sang đất ở;

Chuyển đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp là 0,23 ha. Do chuyển từ các loại đất xây dựng công trình sự nghiệp sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp;

Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ là 1,40 ha. Do chuyển từ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sang đất thương mại, dịch vụ.

*(Ghi chú: Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã chi tiết tại biểu 20/CH)*

**6. Danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch**

(Chi tiết xem Biểu 25/CH).

## **7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất**

### **7.1. Căn cứ pháp lý để ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai**

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/06/2024 của Chính phủ Quy định về giá đất;
- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/07/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
- Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy định Bảng giá đất giai đoạn năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hà Nam;
- Quyết định số 35/2024/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của UBND tỉnh Hà Nam Điều chỉnh Bảng giá đất giai đoạn năm 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Hà Nam ban hành theo Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 20/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Phủ Lý.

### **7.2. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai**

a. Dự kiến các khoản thu: Bao gồm thu từ việc giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất, thuế sử dụng đất, phí và lệ phí sử dụng đất,...

b. Dự kiến các khoản chi: Bao gồm chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

### **7.3. Ước tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai**

*a. Xác định giá đất bình quân khi giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất:*

- Đất trồng lúa: 264.500 đồng/m<sup>2</sup>;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 264.500 đồng/m<sup>2</sup>;
- Đất trồng cây lâu năm: 1.436.000 đồng/m<sup>2</sup>;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 264.500 đồng/m<sup>2</sup>;
- Đất nông nghiệp khác: 264.500 đồng/m<sup>2</sup>;

- Đất ở nông thôn: 2.600.000 đồng/m<sup>2</sup>;
- Đất ở đô thị: 5.200.000 đồng/m<sup>2</sup>;
- Đất thương mại, dịch vụ: 2.080.000 đồng/m<sup>2</sup>;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1.560.000 đồng/m<sup>2</sup>;
- Đất phi nông nghiệp khác: 1.560.000 đồng/m<sup>2</sup>.

*b. Xác định các loại đất chuyển mục đích trong năm kế hoạch sử dụng đất có bồi thường về đất và thu tiền sử dụng đất*

\* Diện tích thu hồi có bồi thường:

- Đất trồng lúa: 942,23 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác: 32,09 ha;
- Đất trồng cây lâu năm: 11,65 ha;
- Đất nuôi trồng thủy sản: 46,97 ha;
- Đất nông nghiệp khác: 7,44 ha;
- Đất ở tại nông thôn: 10,87 ha;
- Đất ở đô thị: 1,06 ha;
- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 1,49 ha;
- Đất phi nông nghiệp khác: 2,17 ha.

\* Diện tích đất giao, cho thuê có thu tiền:

- Đất ở tại nông thôn: 32,15 ha;
- Đất ở đô thị: 233,00 ha;
- Đất thương mại, dịch vụ: 60,56 ha;

*c. Kết quả tính toán và cân đối thu chi từ đất:*

**Bảng 03: Cân đối thu chi trong năm kế hoạch**

Thứ tự	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (triệu đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I</b>	<b>Các khoản thu</b>			<b>14.211.704</b>
1	Đất ở nông thôn	32,15	2.600.000	835.900
2	Đất ở tại đô thị	233,00	5.200.000	12.116.156
3	Đất thương mại, dịch vụ	60,56	2.080.000	1.259.648
<b>II</b>	<b>Các khoản chi</b>			<b>3.803.667</b>
1	Đất trồng lúa	942,23	264.500	2.492.201
2	Chi phí bảo vệ đất trồng lúa	942,23	55.250	520.583
3	Đất trồng cây hàng năm khác	32,09	264.500	84.882
4	Đất trồng cây lâu năm	11,65	1.436.000	167.257
5	Đất nuôi trồng thủy sản	46,97	264.500	124.236

Thứ tự	Hạng mục	Diện tích (ha)	Đơn giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Thành tiền (triệu đồng)
6	Đất nông nghiệp khác	7,44	264.500	19.679
7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	1,49	1.560.000	23.244
8	Đất ở nông thôn	10,87	2.600.000	282.620
9	Đất ở tại đô thị	1,06	5.200.000	55.162
10	Đất phi nông nghiệp khác	2,17	1.560.000	33.805
<b>III</b>	<b>Cân đối thu - chi (I - II)</b>			<b>10.408.037</b>

## 8. Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Để thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Phủ Lý đạt hiệu quả cao nhất cần áp dụng một số giải pháp chính sau:

### 8.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu

- Trong quá trình sử dụng đất phải thường xuyên cải tạo để nâng cao độ phì nhiêu của đất; sử dụng đất một cách tiết kiệm và hiệu quả.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của nhân dân trong việc bảo vệ môi trường, xây dựng và thực hiện chương trình hành động cụ thể để bảo vệ môi trường nhằm xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp và đảm bảo phát triển bền vững.

- Tuyên truyền vận động người dân trong việc sử dụng nước sạch và giữ gìn vệ sinh môi trường.

- Khuyến khích, tạo điều kiện để các doanh nghiệp hiện tại đang nằm xen trong các khu dân cư di dời vào các điểm công nghiệp tập trung hoặc ra xa khu dân cư.

- Việc sử dụng phân bón hoá học, thuốc bảo vệ thực vật trong quá trình sản xuất phải đảm bảo tiêu chuẩn chủng loại cho phép nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước.

- Bố trí đất cho các điểm công nghiệp phải có giải pháp kỹ thuật làm giảm thiểu tính độc hại của các chất thải đồng thời có biện pháp xử lý, tránh gây ô nhiễm môi trường, phá hoại sự cân bằng môi trường sinh thái.

### 8.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Đầu tư có trọng điểm và kịp thời trên các lĩnh vực, đặc biệt là đầu tư phát triển nông nghiệp sạch, công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông thủy lợi...

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá nhằm nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động qua đào tạo và sức khỏe người lao động.

- Có các chính sách đãi ngộ để thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi cho các ngành của thành phố. Có chính sách hỗ trợ và chế độ đãi ngộ thỏa đáng để thu hút,

khuyến khích trí thức trẻ về công tác tại thành phố cũng như tại các phường, xã).

- Tăng cường bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp, sắp xếp lại và nâng cao trình độ cán bộ quản lý nhà nước. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất và năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành.

- Thực hiện việc luân chuyển và tăng cường cán bộ thành phố về cấp xã đảm nhận các cương vị lãnh đạo chủ chốt, thực hiện tốt chế độ trợ cấp ban đầu đối với cán bộ thuộc diện luân chuyển; có chế độ tiền lương và phụ cấp, chính sách bổ nhiệm, bố trí công tác sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Mở rộng dạy nghề, truyền nghề bằng nhiều hình thức thích hợp, có chính sách khuyến khích hỗ trợ học nghề cho lực lượng lao động; chú trọng đào tạo lao động là người địa phương, sử dụng họ vào các doanh nghiệp đóng trên địa bàn.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng từ nguồn vốn ngân sách, vốn doanh nghiệp, vốn liên doanh liên kết và vốn tự có trong nhân dân.

- Nguồn thu từ đất phải được sử dụng thoả đáng cho mục đích phát triển kinh tế lẫn vấn đề xã hội.

- Khuyến khích doanh nghiệp vào đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Huy động tiền vốn và nhân lực trong nhân dân vào các hoạt động sản xuất và kinh doanh, đẩy mạnh phát triển sản xuất để có nguồn lực tài chính, phát huy và khai thác hết nội lực của địa phương từ các nguồn thu, các khoản thuế.

- Mở rộng hình thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng quy mô nhỏ, phục vụ dân sinh, nhất là các hệ thống giao thông, thủy lợi,...Đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

### **8.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất**

- Trên cơ sở Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh xét duyệt, tiến hành tổ chức thông báo công khai rộng rãi Kế hoạch sử dụng đất đến các Ban ngành, các cấp, tổ chức, đoàn thể và nhân dân trong thành phố biết để thực hiện theo đúng kế hoạch và quy định của Luật Đất đai.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch để

ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm đất đai cũng như việc điều chỉnh những bất cập cho phù hợp.

- Kiểm soát chặt chẽ tình trạng tự phát chuyển đổi đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản hoặc chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không theo kế hoạch.

- Xử lý nghiêm minh đúng pháp luật những vi phạm trong quản lý sử dụng đất; những hành vi làm tổn hại đến môi trường.

- Tuyên truyền giáo dục toàn thể nhân dân và các tổ chức sử dụng đất thấy được tầm quan trọng của công tác quản lý Nhà nước về đất đai, thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

- Thực hiện đồng bộ và thường xuyên các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai trong toàn thành phố. Triển khai thực hiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo đúng thẩm quyền và căn cứ vào phương án kế hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt.

- Tăng cường sự phối hợp giữa kế hoạch phát triển kinh tế, đầu tư hạ tầng kỹ thuật với kế hoạch sử dụng hàng năm để nâng cao tính thực tiễn, hiệu quả sử dụng đất. Đưa các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất vào hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Tiếp tục cập nhật những thông tin mới nhất về đất đai để điều chỉnh bổ sung, nhằm đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả thực tiễn cao của kế hoạch, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Thực hiện tốt công tác thu, chi tài chính về đất đai: Các nguồn thu bao gồm từ việc giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất, chuyển đổi, chuyển nhượng, chuyển mục đích sử dụng đất,... các khoản chi về đền bù thu hồi đất,... theo quy định của các văn bản pháp luật hiện hành.

## **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

### **I. KẾT LUẬN**

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Phủ Lý được xây dựng trên cơ sở đánh giá hiện trạng sử dụng đất, định hướng phát triển kinh tế xã hội của toàn thành phố và định hướng phát triển chung của tỉnh Hà Nam, đảm bảo tính thực tiễn.

- Kế hoạch sử dụng đất được xây dựng đúng theo tinh thần của Luật đất đai 2024, nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/07/2024 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; tuân thủ hướng dẫn chuyên môn của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12/12/2024 quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Kế hoạch sử dụng đất đã tổng hợp hầu hết các nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các cấp, các đối tượng trên địa bàn, với quan điểm sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo tính khoa học và mang tính khả thi. Đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, phù hợp với sự phát triển chung của tỉnh Hà Nam.

- Nội dung phương án khẳng định rõ tài nguyên đất đai và triển vọng khai thác sử dụng. Về mặt ý nghĩa sẽ tạo cơ sở đảm bảo cho các ngành, địa phương cấp dưới, các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn phát triển đúng hướng, ổn định.

- Phân phối đất đai hợp lý trên cơ sở quỹ đất hiện có, đáp ứng được yêu cầu sử dụng đất của các ngành, các cấp, các lĩnh vực kinh tế, xã hội trong năm 2025.

### **II. KIẾN NGHỊ**

Kế hoạch sử dụng đất có vị trí quan trọng cả về mặt pháp lý và khoa học trong công tác quản lý, sử dụng đất; là cơ sở để triển khai công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất,... Vì vậy để đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và sử dụng đất, tạo điều kiện thực hiện các công trình dự án đã nêu ra trong kế hoạch sử dụng đất và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị:

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam sớm phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Phủ Lý để có cơ sở thực hiện tốt vai trò quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn cũng như có cơ sở pháp lý trong việc thực hiện các nội dung đã đề ra trong kế hoạch sử dụng đất, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- Đề nghị chính quyền cấp trên quan tâm hỗ trợ kinh phí sớm cho các công trình, dự án phát triển kinh tế xã hội đã được đề ra trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp trên và cơ quan chức năng thường xuyên theo dõi, tạo điều kiện thuận lợi để Kế hoạch được thực hiện tốt./.